

Trên Nẻo Đường
QUÊ HƯƠNG

hồi ký, phiêu lưu ký

LÊ VĂN HƯỞNG

© 2012

Mục Lục

Lời Nói Đầu.....	II
Giới Thiệu.....	III
Tựa.....	VI
Về Cuốn Sách “Trên Nẻo Đường Quê Hương”	
Của Nhà Văn Lê Văn Hưởng.....	X
Chương 1 : Tuổi Ấu Thơ.....	1
Chương 2 : Con Mồ Côi.....	15
Chương 3 : Tuổi Học Trò.....	31
Chương 4 : Quê Hương Thanh Bình.....	44
Chương 5 : Thời Cuộc Rối Ren.....	61
Chương 6 : Đất Nước Chuyển Minh.....	75
Chương 7 : Tản Cư.....	94
Chương 8 : Thời Loạn Lạc.....	111
Chương 9 : Dòng Đời Dang Dở.....	123
Chương 10 : Đời Mưa Gió.....	136
Chương 11 : Chim Bàng Gãy Cánh.....	155
Chương 12 : Tủ Binh.....	168
Chương 13 : Chim Bay Về Tổ.....	187
Bạt.....	192
Tri Ân.....	199

Lời Nói Đầu

Văn hào Pháp Blaise Pascal có nói: "Le moi est haïssable." (Cái tôi là đáng ghét.)

Hiểu theo câu đó, người cầm bút nên hạn chế viết về "*mình*", vì đa số câu chuyện nói về "*cái tôi*" đều có ý khoe khoang, đánh bóng tác giả hay gia cảnh mình, làm cho người đọc khó chịu.

Tuy nhiên, quyển "Trên Nẻo Đường Quê Hương" lại là một loại "tự truyện", ghi lại "cái tôi đáng ghét đó" trong khoảng đời niên thiếu của tôi hơn nửa thế kỷ về trước.

Tôi đã mạo muội viết về "cái tôi" này, vì nhiều lẽ:

- Khi viết sách này, tôi chỉ mong phổ biến trong vòng con, cháu, xa hơn nữa, là bà con, bạn bè thân thiết;

- Đây là một loại "phiêu lưu ký" hơn là "hồi ký", vì "cái tôi" sẽ dẫn dắt người đọc "phiêu lưu" vào trong xã hội Việt Nam thời xa xưa;

- Những mẫu chuyện ghi ra không có gì là "cao sang quyền quý" để phải khoe, trái lại là những điều gian khổ mà gia đình và riêng tôi phải đương đầu khi còn trẻ.

Đặc biệt, có những đoạn nhấn mạnh về:

- lối sống đồng quê cùng tấm lòng chơn thật, hiếu khách, hiền hòa của đa số người dân vào thời đó,

- những khuấy động chánh trị đưa nước Việt Nam vào cảnh đau thương, nổi da xáo thịt,

- lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân bị lợi dụng để phục vụ cho những tham vọng điên cuồng...

Với tâm niệm trên, tôi xin ra mắt quyển "phiêu lưu ký" này trong một phạm vi hạn hẹp.

Lê Văn Hưởng
Florida, Hè 2012

Giới Thiệu

Trong "Lời Nói Đầu", tác giả đã nhắc lời nói của Blaise Pascal: "Le moi se haïssable" tức "Cái tôi là cái khả ố".

Và trong quyển sách "Gulliver's Travels" (tức Cuộc Du Hành của Chàng Gulliver), tác giả Jonathan Swift đã đặt ra 16 điều quyết tâm, để khi trở về già, ông sẽ cố gắng thực hành.

Trong số các điều này, đặc biệt có hai lời khuyên răn mà tuổi già nên coi trọng, đó là:

1- Đừng hoang phí trong việc ban bố lời khuyên và chỉ cấp cho ai có đòi, hỏi;

2. Đừng nói nhiều quá, nhứt là nói nhiều về mình.

Phải chăng vì biết rõ thế nên anh Hưởng đã cẩn thận rào đón - trong "Lời Nói Đầu" - rằng những gì anh viết, kể lại về anh, về gia đình anh - hoàn toàn không có ý khoe khoang, đề cao, nhưng chỉ là hình ảnh trung thực, ý nghĩ cũng như hành động phát xuất từ những tâm hồn chơn chất và cũng không phải là lời khuyên răn thanơ.

Đọc thiên "Phiêu Lưu Ký", gồm 13 chương, từ chương 1 đến chương 13, từ lúc anh "mang tiếng khóc ra chào đời", đến lúc anh chán đời để thốt ra lời:

"Kiếp sau xin chớ làm người,

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo",

chúng ta không tìm thấy được điều gì để trách "cái tôi" đáng ghét của anh, ngược lại, còn cảm thương anh đã sớm mồ côi mẹ, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu cả tình phụ tử.

Ngày nay, quý anh, quý chị đã lục tuần, thất tuần, bát tuần hay hơn nữa, nếu được đọc "Phiêu Lưu Ký" này, sẽ phải mở màng hồi tưởng đến những ngày tháng sôi động dài đằng đẳng từ năm 1945, dân miền Nam đã trải qua bao cơn ác mộng, cuối cùng đến năm 1975, khi đã hiểu bị lường gạt, thì đã muộn rồi!

- Ở Sài Gòn, Nhứt đảo chánh Tây, Đồng Minh bỏ bom Nhứt, loạn Bình Xuyên, các vụ ám sát người bằng súng lục, lựu đạn nổ ở rạp hát, dân chúng biểu tình, bãi thị, học sinh bãi khóa, các cuộc ruồng bỏ của quân đội Pháp, cảnh bao bố nhìn mặt ở khu xóm lao động;

- Ở thôn quê, các vụ thủ tiêu cá nhơn (cho đi mò tôm), đào đường, đắp mô, phá cầu, xây cảng, áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống (đúng ra là vườn hoang nhà nát), quân đội Pháp đóng đồn, Hòa Hảo đóng đồn, Pháp bố ráp dùng thủy, lục, không quân, dùng đại bác pháo kích vào các khu nghi có Việt Minh;

- Đời sống khắp nơi bị xáo trộn dữ dội;

- Người ở thành phố lớn, như Sài Gòn, cùng gia đình tản cư về quê ngoại, quê nội;

- Người ở xóm làng lánh cư đến ở nơi đô thị, ôi kìa sao cho xiết! Thật là:

"Phong trần đến cả sơn khê,

Tang thương đến cả hoa kia cỏ này".

Ngày nay, nếu có người thuộc giới trẻ ở quê nhà được hỏi, họ sẽ nói:

- Làm gì có chuyện đó?

Và nếu có người thuộc giới trẻ ở khắp nơi trên thế giới được hỏi, họ sẽ trả lời:

- Có thật vậy sao?

Việc phủ nhận này cũng như việc nghi ngờ những gì tàn ác đã xảy ra trên quê nhà cũng dễ hiểu: giới trẻ sanh ra và lớn lên trong một môi trường, một bối cảnh chẳng những khác biệt mà có khi trái ngược thì làm sao họ chấp nhận được những cái phi lý, phi nhân, phi nghĩa đã xảy ra trong một thuở xa xưa?

"Homo homini lupus", con người là một con chó sói đối với loài người, chẳng những ở thời xa tít mù mà ngay ở ngày nay, con người có lúc, có nơi, chẳng những tàn ác với đồng loại, hơn thế nữa, đối với đồng chủng và đồng hương cũng không nương tay.

"La fin justifie les moyens", cứu cánh biện minh cho phương tiện, đó là phương châm hành động của những người võ trang tự cho mình đặc quyền và độc quyền "yêu nước" trong cuộc giải phóng đất nước và xã hội.

Nghĩ kỹ lại, anh Hưởng chỉ thoáng qua có ý xin làm cây thông ở kiếp sau, và anh đã:

*Kiếp sau xin vẫn làm người,
Dầu là "sậy yếu" suốt đời suy tư (1).
Đời người lắm cảnh thực hư,
"Đại Đồng Mộng Áo" bao chừ dựng xây?*

Mai Lan Nguyên *

(1) "L'homme est un roseau, le plus faible de la nature; mais c'est un roseau pensant" (Blaise Pascal).

* Mai Lan Nguyên là bút danh của Học giả, Nhà văn Bác sĩ Nguyễn Văn Nhu

TỰA

TRÊN NỎ ĐƯỜNG QUÊ HƯƠNG

Của nhà văn LÊ VĂN HƯỜNG

Khi đọc chuyện của Nhà văn L.V. Hường, ta có cảm tưởng đang đi về miền quê miền Nam hít thở không khí ruộng đồng, coi trẻ con nô đùa ngoài ruộng đồng, ngoài chợ quê. Rồi tạt vô một mái tranh nghèo nào đó, và được chủ hiệu khách mời uống trà, ăn cơm.

Tác giả viết mọi thứ trong đời của tác giả một cách từ tốn và bình thường, một gia đình bình thường, nhưng đọc kỹ ta từ từ thấy những cái ngộ nghĩnh bất thường trong đời thường như: bà già trầu, mớ cơm cho cháu, cháu đi mua rượu buổi tối sợ ma chạy đổ rượu. Càng đọc ta càng thấy dí dỏm hấp dẫn và bị lôi cuốn để phải đọc tiếp. Tác giả mô tả cái nhìn của trẻ thơ ngộ ngộ, hay hay về mọi thứ, đó là những cái gì gần gũi mà thân thương. Rồi cái thắc mắc của trẻ thơ về nghi lễ tôn giáo tuy chỉ là cá nhân nhưng nghĩ cho kỹ lại là cái còn mãi trong tinh thần của mọi đứa trẻ.

Có khi ta thấy tác giả như ông già miền quê chất phác nói cái gì cũng quê ơi là quê, nhưng từ từ tác giả như trưởng thành và đi vào những chuyện hơi lớn một chút theo thời gian lớn khôn. Đó là kỹ thuật phân tích tâm lý của tác giả luôn gây bất ngờ cho người đọc.

Trong câu chuyện QUÊ HƯƠNG THANH BÌNH tác giả nói về năm 2000 có nhạc sĩ ở VN viết về cái đẹp của BÔNG ĐIÊN ĐIÊN. Có người còn đua nhau ăn lẩu bông điên điên, tác giả nói về cái bông nhiều sâu khủng khiếp, ghê tởm là bông điên điên ngoài bùng biển sông rạch. Qua câu chuyện ta thấy tác giả nói lên cái mâu thuẫn giữa mộng và thực, giữa sự thật và sự tưởng tượng, đó là nguyên nhân của sự đau khổ trong đời và đó cũng là cái đối trá của CS tô hồng đánh bóng những cái giả dối như đạo đức cách mạng rồi người ta ngây thơ nghe theo và bị lừa gạt.

Càng đọc ta càng thấy sự uyên bác của người viết từ tâm lý đến thời cuộc, ta có thể coi đây là một hồi ký của một người có tinh thần văn nghệ lãng mạn mà lại đan chéo với lịch sử dân tộc, và hiện lên hình ảnh của một xã hội đặc biệt hỗn loạn, một giai đoạn gay gắt, có những cái hay, cái vui, cái đẹp, cái đau thương tê tái. Nhưng trong đó ta thấy toát lên một sức sống yêu đời của một người có lòng nhân nghĩa và tràn đầy niềm tin và hy vọng ở tương lai dân tộc.

Trong Chương 9 DÒNG ĐỜI DANG DỎ, tác giả viết lên tình yêu thương trong gia đình nhỏ bé của người thân vô bờ bến, tác giả tả cảnh tù tội thật thê thảm ghê gớm, cái dã man do con người đối xử tàn bạo với nhau. Con người sợ hãi con người, con người hành hạ con người, con người vu oan giáo họa cho nhau thật vô nhân và vô luân trong cái gọi là Cách mạng của CS.

Trong chương 10 ĐỜI MƯA GIÓ, tôi có thể tóm gọn ý trong mấy câu thơ:

CÁCH MẠNG CỦA CS VN

*Ôi cách mạng nhát dao đâm vào ngực
Người dân oan uất nghẹn đờn đau
Ôi cách mạng là vu oan hà hiếp
Của lũ bất nhân khôn kiếp Cộng nô
Ôi cách mạng tiếng kêu loài dã thú
Là máu rơi thịt nát với xương khô
Ôi cách mạng là ngu si nghèo khổ
Bao dân lành chết tức tưởi vì bị phao vu
Ôi cách mạng là phỉnh lừa kinh khiếp
Dân nguyện rửa mi trong đau đờn hận thù.*

Ngoài ra tác giả còn nêu ra một bi kịch của người phụ nữ VN phải chịu đựng là bị chồng hành hạ, có người đem thân đi lấy Tây mà vẫn bị chồng Tây đánh đập. Một bi kịch ngàn đời mà người phụ nữ VN phải chịu, không lối thoát.

Chương 11 CHIM BẰNG GÃY CÁNH, một oan nghiệt cho người dân VN ở giữa hai lần đạn oan khiên, một bên bị Việt Minh tàn bạo giết hại bừa bãi, một bên là Pháp cai trị hà khắc dã man, ở bên nào cũng khó sống. Bên nào người dân cũng dễ bị coi là kẻ thù, đang không bị chụp mũ những tội ghê gớm đáng tội chết. Không ai muốn như thế nhưng hoàn cảnh quá ngặt nghèo, con người không có quyền lựa chọn, không có quyền sống tối thiểu cho bản thân mình. Một bi kịch của người dân VN, bi kịch của kiếp người sanh ra và lớn lên trong đọa đầy của hỏa ngục.

Sự khốn khổ của dân tộc VN hơn 65 năm qua là chúng ta đã bị lừa, lòng yêu nước bị lợi dụng. Niềm tin ngây thơ vào lý tưởng dân tộc tự cường đã bị phản bội.

Những đóng góp máu xương, tuổi trẻ trái tim nhiệt huyết bị coi thường và bị nghi ngờ. Sự thức tỉnh là may mắn. Còn sống sót là một sự kỳ diệu.

Tất cả cũng vì cái lưu manh của chế độ CS VN mà dân tộc ta khổ như thế này.

TRÊN NẸO ĐƯỜNG QUÊ HƯƠNG là một bài trường ca bi tráng cũng là một bản cáo trạng vạch tội CSVN để lại cho mai sau.

Đọc xong quyển sách, xếp lại, ta còn nghe nổi nghẹn ngào ứ lên trong cổ của những giọt nước mắt ngây thơ, của đứa trẻ mất mẹ, nước mắt chan hòa khi chia xa người thân yêu, giọt nước mắt âm thầm chua chát khi nhìn những người dân lành bị CS giết, ám sát thủ tiêu từng ngày một cách vô lý. Những giọt nước mắt ngậm ngùi cho số phận của mình bị đòn thù của kẻ xâm lăng, nước mắt uất nghẹn khi bị nghi ngờ phản bội cách mạng nên đổi từ ân nghĩa ra oán thù ngu xuẩn. Những giọt nước mắt lã chã vì thấy mình bất lực trước cảnh đốn đau của chiến tranh tàn phá quê hương... qua đó ta còn thấy những giọt nước mắt của tác giả còn chảy tiếp cho số phận của đồng bào nơi quê nhà mỗi ngày một khốn khó bên ngoài tác phẩm.

Một tấm lòng nhân ái, một đôi mắt tinh tế, một ý chí kiên trì, một bút pháp sắc bén sâu sắc, một tâm hồn đôn hậu, có trái tim cùng với nhịp đập với hơi thở của quê hương, đó là một con người có cái tên LÊ VĂN HƯƠNG.

VŨ QUANG MINH

Tampa 5 - 30 - 2012

Về Cuốn Sách "Trên Nẻo Đường Quê Hương" của Nhà Văn Lê Văn Hưởng



Tuyết Nga

...Ngay khi cầm bản thảo cuốn sách của Nhà văn/Cựu Đại Tá LÊ-VĂN-HƯỞNG, tôi chỉ nghĩ nhiệm vụ của mình là giúp "nhặt sạn" (hoặc gọi là "bắt chỉ" theo ngôn ngữ của một nhóm Văn Hữu bên VBVNHN) dùm tác giả mà thôi.

Tôi vì quý nể tác giả là người trọng tuổi, tính tình hiền hòa đôn hậu và rất...đễ thương(!) mà nhận lời. Tôi thầm nghĩ ông là người miền Nam, tôi dân Bắc kỳ (dạ, 54 đấy nhé!) thì các dấu hỏi ngã, rồi ở chữ cuối có "g" hay không, "c" hay "t" v.v...tôi nắm trong lòng bàn tay, chỉ "chớp mắt bịt" là xong! Tôi sẽ đọc thật nhanh và "bắt chỉ" lẹ lẹ cho xong...

Nhưng chỉ ngay khi đọc "Lời tựa" là tôi đã háo hức muốn theo dõi cuốn sách rồi. Ông Mai Lan Nguyễn viết rất hay với lời lẽ ôn tồn đáng kính. Và đúng như Mai Lan Nguyễn giới thiệu, cuốn sách đã lôi cuốn tôi ngay từ trang mở đầu...Tôi nhận ra tôi đã sai lầm khi có thói quen chỉ "chăm" và đọc tác

phẩm của những tác giả "tên tuổi" như Nguyễn Hiến Lê, Nguyên Sa, Trần Trung Đạo, Tràm Cà Mau, v.v...và v.v...mà không mấy chú ý đến các tác giả chưa tạo được tên tuổi.

Gọi là "nhặt sạn", "bắt chí"...mà thật ra tôi đã bị cuốn hút theo dõi từng trang sách. Có lúc thấy mình như được sống thực sự trong khung cảnh thanh bình của làng quê miền Nam qua ngòi bút tài tình của tác giả. Nhà văn Lê Văn Hưởng đã khéo léo dẫn dắt ta đi từ từ qua các giai đoạn của đời ông : Cậu bé Lê Văn Hưởng mồ côi mẹ từ khi mới lên tám, rồi chỉ vài năm sau lại mồ côi cha (người cha mà cậu bé chỉ được thực sự tiếp xúc vài lần!); cũng từ ngày đó cậu phải xa lìa tất cả anh chị em ruột của mình để về sống với "Ông Bà Nuôi".

Anh Hưởng ơi, em vụng về lắm chả biết viết ra hết những gì mình suy nghĩ nhưng gập bản thảo cuốn sách của anh lại, em chỉ muốn tâm sự với anh rằng : Có một cô bé (tuy nay đã già) thua "cậu bé LVH" tới hai con giáp...đã đêm đêm say sưa ngồi đọc những gì cậu bé thuật lại về cuộc đời mình bằng một áng văn chân thật, tự nhiên và trong sáng. Cô bé đã phải quệt nước mắt nhiều lần lúc nửa đêm về sáng khi đọc và hiểu rõ hơn về cảnh đời nghiệt ngã đắng cay và tủi nhục của người dân VN qua bao ách Tây, Nhật, Việt Minh...Chính anh - qua cuốn sách này - sẽ là chứng nhân của lịch sử đấy anh ạ!

Cám ơn anh đã cho em cơ hội được góp bàn tay "nhặt sạn", để qua công việc rất vụn vặt đó, em lại được "góp chút lòng" vào cuốn sách rất giá trị này của anh.

Xin kính chúc anh có thêm nhiều sức khỏe và tuổi thọ "bách niên" để có thể cho ra đời thêm nhiều cuốn sách tuyệt vời nữa...anh nhé!

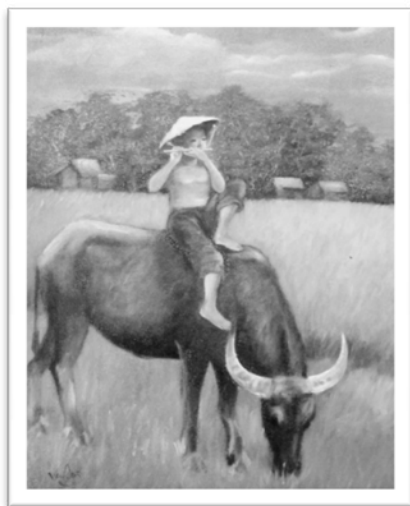
TuyếtNga

(Florida)



Chương 1

Tuổi Ấu Thơ



Chào Đòi.

Câu chuyện gần một thế kỷ về trước, nghe kể lại rằng:

Hôm ấy, sáng ngày mừng ba Tết, gia đình quây quần bên nồi bánh tết còn đang nấu ngoài sân, khói bay lên cuộn cuộn. Cả nhà vui vẻ, bàn chuyện trong hai ngày Mừng 1, Mừng 2 Tết vừa qua...

Thình lình, cô Hai Kiêm ôm bụng than đau, vì cái thai trong đó đã được "9 tháng 10 ngày". Cả nhà vội vã kêu xe từ Ngã Tư Bình Hoà chở xuống nhà bảo sanh Bà Mụ Hên, khu chợ Bà Chiêu, cách nhà hơn 2 cây số.

Nơi đó, một cậu bé trai ra đời...

Có lẽ nhờ hít mùi bánh tét lúc còn trong bụng mẹ, nên khi lớn lên, cậu bé này thích bánh tét, bánh chưng chẳng? Đứa bé chào đời ấy là tôi.

Giấy khai sanh

Gia cảnh chúng tôi có nhiều điều bất thường, bất thường vì ba tôi có bà vợ trước và má tôi là vợ thứ... Người Pháp, khi đến đô hộ Việt Nam, vẫn giữ lại phong tục ta, là người đàn ông có quyền chánh thức cưới hai vợ; ngoài ra, nếu trai có năm thê bảy thiếp, luật pháp vẫn làm ngơ, nghĩa là được cho phép "bất thành văn".

Con của người vợ thứ phải lấy tên theo "họ" mẹ; đó là trường hợp của anh chị em tôi. Điều trớ trêu và buồn cười là anh chị em tôi không cùng một họ, mặc dầu là anh chị em ruột. Lý do là vì người đi lập giấy khai sanh cho trẻ mới sanh không nhớ rõ má tôi họ Lê hay họ Huỳnh: người nào khai má tôi họ Huỳnh, con theo họ Huỳnh, người nào khai má tôi họ Lê, con theo họ Lê.

Trên giấy khai sanh của tôi, có nhiều điều bất thường:

"Tên họ người cha, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú", tất cả mấy hàng này đều gạch chéo bỏ trống. Nghĩa là "không có cha".

Đoạn trống này làm tôi khó chịu khi lớn lên, vào trường hay làm đơn để xin một việc gì. Ai cũng ghi tên cha, người ta hạch hỏi tôi:

- Sao không ghi tên cha vô?

- Dạ, cha "không biết"!. (Père inconnu, hồi đó, trên giấy tờ, thường ghi tiếng Pháp).

Bà con cũng nói: Thằng này không có cha.

Tôi buồn lắm, nhiều khi cảm thấy xấu hổ với bạn bè. Đó là cảnh bất thường, không giống như nhiều gia đình bạn bè của tôi có đủ cha mẹ.

Trên giấy khai sanh của tôi, có ghi nghề nghiệp của người đứng khai như sau:

Tên: Lương Văn Hoanh, tuổi: 53 ans; nghề nghiệp: Secrétaire du Gouvernement; cư ngụ tại: Bình Hòa Xã.

Người khai này ngoài đời là "cha ruột" của tôi.

Đoán theo giấy khai sanh, hồi đó ba tôi "có thớ" lắm, xem nghề nghiệp thì rõ. Người ta kêu ông là Thông Phán, thời đó phải học và thông suốt tiếng Pháp mới được vào làm việc với Chánh Phủ Thuộc Địa Pháp. Lương bổng chắc cũng hậu nên ông có nhà cửa khá to, nhưng anh chị em chúng tôi không được ở. Nhà này dành cho bà lớn và con dòng lớn, cách nhà Bảo Sanh Bà Mụ Hên chừng 100 thước.

Khi nói đến chức vụ Thông Phán (Secrétaire du Gouvernement), thường người ta nghĩ đến một người mẫu mực, sáng vác ô đi, chiều vác ô về, đúng giờ đúng ngày, đầu ra dó, nói một là một, hai là hai.... Vì vậy, trong cuộc sống cho đến ngày chết, ba tôi là người rất khát khe tiền bạc, sống đậm bạc, không tiêu xài hoang phí. Ông không có năm thê bảy thiếp.

Ông là người thông minh, tháo vát, tôi đoán như vậy, vì sau khi về hưu, vào tuổi 53, ông dám mua một sở cao su để khai thác mủ cao su. Không hiểu ông học ở đâu, được huấn luyện ở trường nào, từ một ông phán già về hưu mà dám kinh doanh khai thác ngành lấy mủ cao su? Thời đó, người Pháp chiếm độc quyền về ngành này. Mà nào phải ông bỏ tiền ra mướn người làm để "bóc lột lao động" đâu, chính ông, từ 3, 4 giờ khuya mỗi ngày, thức dậy trong đêm còn tối mịt, cùng với vài nhân công cạo mủ cao su, làm việc như một người thợ rành nghề. Điều này chứng tỏ ông là người siêng năng, ham làm việc, không thích nghỉ ngơi.

Mẹ

Nói qua về thân thể má tôi, nghe nói bà là con nhà có tiền, cha mẹ mất để lại của cải nhiều, bà có nhà rất lớn, nơi nấu bánh tét nói trên. Nhà này thật rộng, nằm giữa khuôn viên đất gần một mẫu, bốn bề có bao chung quanh bằng hàng rào mắt cáo cao khỏi đầu người, có giây bìm bìm leo lên dày đặc. Bà lanh lợi, vui vẻ với mọi người, người ta gọi là Cô Hai Kiêm. Lúc đó, bà chuyên bán hột xoàn, đem hột xoàn của người muốn bán đến cho người muốn mua. Bán hột xoàn theo cách đó phải là người được thiên hạ tín nhiệm mới giao hột xoàn cho mình. Cuộc đời khá sung túc.

Thời gian sau khi sanh tôi mấy tháng...

Tối hôm đó, cả nhà đi xem hát cải lương, rạp hát cách nhà lối 1 cây số. Tuồng chắc phải hay, cả nhà về mệt ngủ ngon. Thời đó chỉ hát tuồng tích Tàu (gọi là hát bội) như Lữ Bố Hí Điêu Thuyền, Xử Án Bàng Quý Phi, vân vân...

Sáng hôm sau dậy trễ, cả nhà hoảng hốt biết ra là nhà bị trộm đêm hồi hôm. Nhìn lại tủ đựng hột xoàn mở toang, hộp đựng hột xoàn bay mất, tiền bạc không còn.

Từ đó, má tôi thất điên bát đảo, chạy tới chạy lui, lo đủ mọi việc, bán sạch nhà đất để trả nợ hột xoàn, cuộc đời xuống dốc từ đó. Nghe nói bà cứng thẳng con trai mới sanh lắm, nhưng bà đâu còn thì giờ để chăm lo cho nó. Sẵn gần nhà, có hai ông bà tuổi lối bốn mươi, quen biết qua tình lối xóm, không có con, ngỏ ý muốn xin giữ thằng nhỏ đó vì thấy nó dễ thương, má tôi đồng ý gởi bà giữ giùm ban ngày.

Không biết thời gian má tôi thanh toán nhà cửa trong bao lâu, nghe kể lại là sau khi bán xong nhà đất, gia đình dọn về căn nhà hương hỏa cách nhà cũ gần 100 thước, do người em trai thứ Năm của má tôi trông nom.

Ít lâu sau, khoảng nửa năm, cả gia đình dọn về Trung Chánh, thuộc quận Hóc Môn, ở chung với ba tôi trong Vườn Cao Su do ba tôi mua trước đó. Riêng tôi được tiếp tục gửi lại cho ông bà nuôi. Tôi tách rời khỏi anh chị em từ lúc đó.

Bà Lớn, Bà Nhỏ

Nhiều người ngoài cuộc và đứng về phía gia đình tôi trách móc ba tôi không lo cho con cái. Ông có lo chứ, theo cách của ông và ông còn có bà lớn và con dòng lớn để lo nữa. Làm sao thực hành được câu hát dân gian:

"Lập vườn thì phải khai nương,

"Làm trai hai vợ, phải thương cho đều!"

Đứng về địa vị bà lớn, có thể bà cũng buồn và trách ba tôi bỏ bê gia đình để về ở với bà nhỏ trên Vườn Cao Su. Ba tôi cả tháng mới về Gia Định thăm bà lớn, thường sớm mai chiều về, ít khi ở lại đêm, có lẽ vì phải chăm lo cho Vườn Cao Su, và cũng là có để ở với bà thứ.

Do đó, tôi nghĩ là ông rất thương má ruột của tôi. Nhờ những kỳ bãi trường, tôi có về ở trên đó, tôi cũng biết được ít nhiều cảnh sống của gia đình. Tôi không nghe hoặc thấy ba má tôi cãi vã lớn tiếng bao giờ. Nếu có, chỉ lâu lâu nghe ông nạt bà vài tiếng rồi thôi, chuyện này rất thông thường trong các gia đình, cả đời trước lẫn đời nay.

Bà lớn rất ghét tụi con dòng nhỏ, mỗi lần "rủi ro" thấy chúng tôi là bà liếc mắt và nạt nộ om xòm. Sở dĩ lâu lâu anh chị em tôi thấy mặt bà là vì mỗi lần ba tôi về Bà Chiều bằng chiếc xe ngựa nhà, ông ghé nhà bà lớn, chúng tôi ngồi trên xe đậu ngoài đường chờ; đợi lâu, đám nhỏ buồn quá chạy vô nhà dòm ngó, bà la lên như chúng tôi là kẻ trộm, thành ra, anh chị em tôi không ưa bà.

Theo tôi nghĩ, cách đối đãi của bà lớn đối với dòng nhỏ là thường tình, bà lớn ghét bà nhỏ và đám con dòng

nhỏ là điều dễ hiểu, ai cũng vậy trong hoàn cảnh đó. Không bên nào đáng trách mà cả hai bên phải chịu đựng hoàn cảnh éo le được luật pháp và xã hội thời bấy giờ cho phép.

Ông Bà Tư

Việc xin nuôi con không lạ đối với ông bà nuôi của tôi, vì ông bà đã có nuôi một người con lai Tây lúc đó đã trưởng thành. Tôi kêu ông nuôi là Ông, còn bà, tôi kêu là Bà hoặc Tư (chỉ Tư không thôi).

Nghe nói khi gọi tôi cho ông bà Tư giữ giùm ban ngày, mỗi lần má tôi đến đem con về nhà, là có tiếng má tôi từ ngoài sân: "thằng con tui đâu, thằng con tui đâu?", xong bà mới bước vô nhà tìm thằng nhỏ. Bà hỏi lăng xăng: "thằng nhỏ ngày nay ra sao, ăn uống thế nào, có khóc không", v. v., nựng nịu một hồi mới đem con về nhà. Đó là tình mẫu tử của má tôi đối với thằng con còn bé xíu, tôi không biết, nhưng không hiểu vì sao tôi thương má tôi quá, mặc dầu không gần gũi nhiều với mẹ như bao người con khác.

Riêng về bà nuôi, bà chăm lo cho đứa nhỏ chu đáo, yêu thương bằng lòng cả ngày. Bà ăn trầu rất nhiều, luôn luôn có ống nhổ kê bên để nhổ nước cỏ trầu. Miệng bà luôn luôn đỏ vì ăn trầu, răng lâu ngày hóa thành đen như người miền Bắc nhuộm răng. Lúc tôi còn nhỏ, vẫn theo lời kể lại, bà thường cho tôi ăn bằng cách nhai cơm vào miệng rồi nhả ra đút cho tôi, giống như chim mẹ móc mồi trong cổ ra đút cho chim con. Miếng cơm từ màu trắng được nhuộm thành màu đỏ cỏ trầu, chia từng lọn nhỏ. Thằng bé ăn có lẽ phải ngon lắm, bằng có là nhờ cơm đút đó, nó lớn lên, trong tình thương yêu của mẹ ruột và Ông Bà nuôi.

Ông làm thợ ở Ba Son, một hãng sửa tàu của Pháp, lớn như Sài Gòn. Chữ Ba Son là âm theo chữ "poisson" (con cá), có lẽ ở đó người ta câu nhiều cá lắm. Cơ sở đồ sộ

này nằm trên bờ sông Sài Gòn: tàu binh Pháp, tàu buôn đến đó để bảo trì, sửa chữa. Bao nhiêu gia đình sông nhờ sở Ba Son.

Năm tôi 6 tuổi, ông bà nuôi dôi nhà, từ căn phố ngó qua chợ Bình Hòa, ông bà mướn một cuộc đất gần đó, cất nhà cách nhà Cậu tôi khoảng 10 thước. Nhà khá lớn, hai căn một chái, diện tích gần bằng ba căn phố, nền đất, vách ván, mái lợp lá dừa (khá giả hơn mái tranh), và là nhà khá nhứt so với lối xóm đó.

Ông bà đồng tuổi, tuổi Mùi, và tên ông cũng giản dị, Nguyễn Văn Mùi. Ông là người theo đạo ông bà, thờ phụng tổ tiên, con người ít nói, ít cười, cọc tánh, dễ nổi nóng, dễ nổi giận. Ông la lối cũng dữ, nhưng chiều chuộng bà. Tướng ông cao lớn, dềnh dàng, nước da ngăm đen.

Bà là người đạo Thiên Chúa, đạo dòng. Bà ở nhà lo nội trợ như bao gia đình Việt Nam lúc bấy giờ. Thứ tự gọi trong gia đình là bà Sáu, tên bà là Nguyễn Thị Đức.

Hai ông bà gặp nhau, ở với nhau không có hôn thú (rất thông thường thời đó), không có con. Bà nói nhiều, nhưng nói ngọt, ông nhiều khi cũng nhức óc vì bà cằn nhằn lâu, nói hoài, nói mãi, ông quen rồi nên làm thỉnh không cãi lại, mọi việc thường êm xuôi. Nếu ông nổi nóng, ông không cãi, ông quăng chén quăng đĩa, đồ đạc trong nhà bẽ tan tành:

- Nói nữa, nói nữa đi!

Bà hoảng sợ, nhưng chưa chịu thua cuộc:

- Quăng đi, quăng cho hết đi! Đập cho hết đi, tiền nhiều lắm mà!

Ông leo lên vồng trước hàng ba, nắm gác tay lên trán, vuốt cơn giận.

Bà tiếc của, ngán lắm rồi, nhưng cố tỏ ra cứng cỏi:

- Từ rày sắp tới, không thềm nói nữa đâu! Tường ông biết nghe thì nói cho ông nghe, còn không, thì không thềm nói... Xí!

Rồi căn nhà trở lại im lặng, im lặng vô cùng ... chỉ còn nghe tiếng lạch tạch của mấy giọt nước rơi xuống đất từ bình nước bể trên bàn. Con mèo tam thể, từ nãy giờ nghe tiếng chén đĩa bể, đã phóng nhanh vào góc tủ, đoán chừng "cuộc chiến" tạm yên, vươn hai chun trước ra, nhẹ nhẹ bước lại gần vồng ông nằm, cạ vào bàn chân ông đang buông lỏng xuống đất, như muốn nói: "Ông làm con sợ quá!"

Một hồi lâu, bà lấy miếng trầu đã tèm sẵn, bỏ vào miệng nhai nhóc nhách rồi lặng lẽ lấy chổi dọn dẹp đồ đạc bề văng tứ tung trong nhà.

"Trường Làng Tôi"

Khi tôi được 5 tuổi, bà cho tôi đi học Lớp Chót (lớp 1 ngày nay) tại trường tên là "Trường Phổ Thông Bình Hòa", trường tư, chỉ dạy đến lớp ba. Trường học này là do một cặp vợ chồng trẻ đứng ra mở lớp dạy, trường là hai căn phố, một bên để ở và một bên làm lớp học. Mỗi ngày, bà nuôi đưa tôi đi học rồi rước về.

Có lần ra lớp, không thấy ai rước, tôi lần mò về nhà, thấy bà nằm trên vồng. Vừa thấy tôi về, bà nói lớn tiếng như muốn trút hết cơn giận lên tôi:

- Tại mậy mà tao té bầm mình bầm mẩy hết..., coi nè! Tao không đưa mậy đi học nữa đâu!

Bà cho biết bị trượt vỏ chuối té xuống đường khi băng qua ngã tư sau khi đưa tôi đến trường, may không có xe chạy tới. Tuy nói vậy, qua ngày sau, bà lại tiếp tục nắm tay tôi dắt đến trường.

Tại trường "Phổ Thông" này, tôi ham học lắm. Cũng rần mắc không ít. Có bữa tan học, học trò xếp hàng ra

về, tôi không chịu đứng sắp hàng, chạy vòng sau lưng thầy giáo, giơ chun đá gió vào thầy, ngay lúc đó có ai nắm giữ tóc tôi. Nghi là thằng Quý, bạn của tôi muốn phá tôi, tôi vội quay mặt lại, miệng vừa nói:

- Ê, Quý, đừng giỡn mậy!

Nào ngờ, đó là cô giáo, vợ thầy. Thầy cô bắt giữ tôi lại, phạt hai tay treo qua, nắm hai trái tai, nhún lên nhún xuống cả mười phút mới cho về nhà.

Thầy cô này cũng độc đáo lắm. Thỉnh thoảng, hai cô thầy bỏ học trò một mình trong lớp, vào phía trong nhà không hiểu làm gì, một lát, nghe thầy cô la lỏi om xòm, cãi vã lớn tiếng, sau đó trở ra lớp mà vẫn còn nạt nộ nhau, xem như không có đám học trò trước mặt. Một kỷ niệm vui vui còn nhớ lại của "Trường Làng Tôi".

Vùng Khỉ Ho Cò Gáy

Nhà trên Vườn Cao Su Trung Chánh cách nhà ở Bình Hòa hơn 15 cây số, đi xe ngựa mất nửa ngày, vì đường đi không phải thẳng tắp và tốt. Trong khu đất vườn cao su, từ nhà ra lộ đá phải trải qua ba, bốn cây số đường cát, sinh lầy, quanh co theo xóm làng, rẫy trồng hoa mầu, đồng ruộng, mất ít nhứt một tiếng đồng hồ. Ra đến lộ đá rồi, nếu về Gia Định, phải cà rịch cà tang trên chiếc xe ngựa nhà mất đến ba bốn tiếng nữa, chạy song song với đường xe điện qua các ga Trung Chánh, Quán Tre, Chợ Cầu, Hanh Thông Tây, An Nhơn, Xóm Thuốc, Gò Vấp, Xóm Gà, Bình Hòa mới về đến Gia Định.

Vườn Cao Su của ba tôi không lớn lắm so với các vườn của người Pháp. Miếng đất không vuông vức, nhưng có thể đoán chiều ngang lối 200 thước, chiều dài dưới 1 cây số. Có lẽ ông mua lại của Tây đang khai thác nên cây cao su cũng lớn rồi.

Nhà ở là nhà mái tranh, bốn năm căn dài lớn, vách bằng tre đan, nền đất, sạch sẽ và mát mẻ, thêm nhà bếp. Bên ngoài, là nhà khai thác cao su, không vách, nền đất, mái tranh, nhưng phòng xông khói thì toàn đất từ trên xuống dưới.

Trong nhà kho, chất đầy dụng cụ hành nghề, thùng đựng mủ, chén đá hứng mủ, đèn khí đá mang trên đầu (vì đi cạo mủ từ bốn giờ khuya, phải có đèn), thùng vuông lớn bằng cây, đáy cạn để đựng mủ chờ đặc lại, máy ép mủ, phòng xông khói cho mủ khô và giữ mủ khỏi hư, nơi chứa thùng ác xít làm đông mủ, vân vân ... Bên ngoài xa hơn là chuồng bò, chuồng ngựa có máng cho ngựa ăn cám và cây rom cho bò ăn khi chúng không ra đồng ăn cỏ. Ngựa, bò là phương tiện chuyên chở, xe ngựa là loại xe thô mộc để chở người đi chợ, đi công việc và chở cao su đem ra Chợ Lớn bán. Xe bò dùng vào việc nặng hơn, đi xa chở hàng nặng, bò kéo cày, cày đất vườn cao su giữ cho đất xốp.

Tôi chỉ về ở trên đó chơi lúc bãi trường, thời gian tuy giới hạn, nhưng cũng khá đủ để tham gia vào cuộc sống gia đình và mắt thấy tai nghe về cảnh sống thôn dã đó. Thời gian tôi lên xuống là khoảng từ 4 đến 8 tuổi.

Cảnh sống cũng thanh đạm lắm. Anh chị em tôi không phải làm gì cho công việc chuyên môn của ba tôi, cả việc lật vật. Chỉ ở không chơi với phá phách...

Ba tôi ăn riêng, một mình ông thôi, sáng, trưa, chiều cũng vậy.

Mâm cơm của đám con nít là một tấm đệm trải dưới đất, má tôi quây quần ăn với con. Lối sống gia đình là như vậy, có ăn uống no là vui sướng rồi.

Trên Vườn Cao Su, chiều nào đám con nít cũng phải tắm. Cảnh tắm rất vui, mấy anh chị em còn nhỏ (trong đó có tôi) ở trường hết, ra đứng gần giếng, quây vòng tròn

đụng đầu nhau, ngồi xuống, anh Hai Câu (người giúp việc) thọc gàu xuống giếng (giếng ở miệt rầy này rất cạn, lối hai, ba thước là có nước), múc nước xối lên đầu cả đám. Kỳ cọ, chà xà bông Marseille 72 phần dầu, mỗi đứa tự gội đầu, chà mình mẩy... Xà bông này dùng cho tất cả mọi thứ (tắm, gội, giặt, rửa chén, chớ không như ngày nay nào là shampoo, conditionning, body soap, vân vân). Sau khi chà xà bông xong, anh Hai Câu gội nước tiếp cho đến khi mình mẩy đám con nít sạch hết xà bông. Tắm nước giếng lạnh lắm, nhứt là buổi chiều, đồng quê gió lạnh, lâu rồi cũng quen.

Đến màn cơm chiều, chiếc đệm trải dưới đất, mâm cơm bày ra, thường ăn khô, mắm mua để dành vì lâu lâu mới đi chợ, rau cải thì dễ, vì chung quanh làng xóm trồng đủ thứ rau, bầu, bí, dưa chuột, mướp, khổ qua, chạy lại lối xóm mua là có, hàng xóm cũng hơi xa, nhà này đến nhà kia cả trăm thước. Cá cũng dễ có, vì vùng đó có ruộng, có ao, mua lại lối xóm hoặc hàng xóm đem lại nhà bán. Cơm nấu trong nồi đồng miệng nhỏ bụng to, gạo ăn là gạo đỏ, thứ rẻ tiền, nhưng chắc phải khá hơn cơm độn thời Cộng Sản.

Tối đến, cảnh vật âm u lạ thường. Chỉ nghe tiếng lá cao su cạ vào nhau rào rào khi có gió, tiếng dế "réc rác" trong đám đất mới cày; đêm trời mưa, ềnh ương trong ao rãnh kêu "quên quang quên quang" nghe náo nức. Trong nhà đốt ngọn đèn dầu leo lét, trẻ con chơi giỡn với nhau cho tiêu cơm chiều rồi đi ngủ. Không lo lắng gì cả! Cũng không đội bánh ra chợ bán như bao nhiêu đứa trẻ nghèo khổ khác. Vậy là hạnh phúc quá mà người trong cuộc nào biết!

Trường học chỉ có trường làng, dạy lớp một, muốn học thêm lên lớp hai, lớp ba, lớp tư, phải ra Quán Tre có trường tiểu học, cách nhà chừng bốn, năm cây số đường chim bay. Tính đường chim bay, vì không có đường sá, chỉ nhắm hướng rồi theo bờ đê ruộng lúa, dây thuốc lá, líp

trồng rau mà đi, sau cùng nhắm lùm cây lớn Đình Quán Tre thẳng tiến. Đi mất gần hai tiếng đồng hồ, về cũng vậy, đầu đội trời, chum đạp đất, mưa gió, nắng chang chang, nón không có nói chi dù. Anh tôi lúc đó mới bảy, tám tuổi, từ Quán Tre về, lạc đường té xuống giếng lạn, (giếng lạn là giếng cạn ít nước, họ bỏ không dùng), anh té xuống đó, lấy sức cựa quậy leo lên được, nếu không cũng "đi đời" rồi!

Một Lần Ra Đi

Má tôi tánh không chịu ngưng làm việc, tùy theo mùa trái cây nào bà bán theo mùa đó. Mùa xoài, bà mua xoài cả xe ngựa, từ miệt Hóc Môn, chở về nhà ở Bình Hòa (Gia Định) để nhờ Mợ Năm (vợ của Cậu tôi) đem ra chợ Ngã Tư Bình Hòa bán; mùa chôm chôm, măng cụt, cũng thế. Gần Tết, bà lấy xe bò nhà chở dưa hấu mua từ vùng Hóc Môn đem về nhà ở Bình Hòa, để dưới bộ ván, dưới đất có lót rơm cho êm dưa, dành bán chợ Tết.

Trong khi mang bụng đứa con thứ 14, bà vẫn xông xáo đi đó đây, buôn tảo bán tần để lo cho bảy con: có lẽ tiền ba tôi cho không đủ nên bà phải bôn ba như vậy.

Một buổi chiều, như thường lệ, từ trường học tỉnh Gia Định Mac Ferrando, tôi lững thững về nhà (ở Bình Hòa), lúc đó, tôi được 8 tuổi, chị giúp việc cho ông bà nuôi vụt nói lên khi thấy mặt tôi:

- Má mày chết rồi!

Tôi giựt mình, vội vàng chạy vô nhà hỏi bà nuôi:

- Má con chết rồi hả Tư? (tôi gọi bà nuôi là Tư)

- Mất rồi con à! - bà ghen ngào, rồi làm thinh luôn.

Tôi òa lên khóc nức nở, bà chạy lại vỗ về tôi, mắt bà cũng đỏ hoe.

- Thôi con, nín đi con! - bà không nói gì hơn nữa.

Chiều tối ông đi làm về, bà ngo ông rồi nói:

- Cô Hai mất rồi!

Ông ngạc nhiên hỏi lại:

- Cô Hai nào?

- Cô Hai Kiên chứ cô Hai nào!

Rồi hai ông bà bàn tính với gia đình Cậu Mợ Năm và Ông Sáu (trưởng lão) nội đêm đó đi lên Trung Chánh thăm xác cho kịp trước khi liệm. (Ông Sáu là chú bà con, ở gần đó).

Chiếc xe ngựa chở bà con, trong đó có tôi, rời Bình Hòa lối 9 giờ đêm tới Vườn Cao Su lúc 4 giờ sáng.

Bà con lối xóm đến thăm đông đảo, mặc dầu đây là nơi "khí ho cò gáy". Xe ngựa vừa ngừng vào sân nhà, bà con biết gia đình từ Bà Chiêu lên, hỏi hỏi chạy ra dẫn vào buồng nơi má tôi nằm bất động trên giường.

Có tiếng nói:

- Má con chưa nhắm mắt, còn đợi có mình con, vuốt mắt má đi con!

Tôi không nhớ ai bảo tôi như vậy, trong lúc tôi còn sống sờ nhìn má tôi từ trên xuống dưới che phủ chiếc mền trắng còn chưa mặt ra.

Anh chị em tôi ở chung với cha mẹ, có mặt đầy đủ khi bà lìa trần, chỉ thiếu mình tôi. Má tôi tuy chết nhưng chưa nhắm mắt hết, ý chừng chờ tôi về. Cũng kỳ lạ, sau khi tôi vuốt mắt bà, bà nhắm mắt luôn.

Tôi không theo xe trở về Bà Chiêu đêm đó và ở lại chịu tang mẹ. Khi tần liệm mẹ, bày con bu chung quanh hòm khóc sụt sùi.

Hai ngày sau là chôn. Đám ma khá lớn, có kèn, có kiệu lộng. Anh Sáu tôi là trai trưởng mang giầy rơm mũ bạc, cầm bình hương đi bộ trước linh cữu. Tôi và mấy chị em nhỏ trong đồ tang trắng đứng lên kiệu kế bên hòm cho họ đạo khiêng đến huyết mã, khoảng một cây số, trong đất nhà thuộc khuôn viên Vườn Cao Su. Lâu lâu kiệu ngừng



lại, vì vương tàng cây cao su, chờ lấy cây đẫy cành cây lên mới qua được.

Tuổi nhỏ không biết gì, từ hồi nào đến tuổi này, có ai thềm để ý đến mình, nay được đứng lên kiệu dưới cây lộng bên hòm của mẹ, lại được khiêng đi lòng vòng, nhìn từ cao ngó xuống bà con đưa đám, tôi cảm thấy thích thú quá, lúc đó sao lại quên nỗi buồn mất mẹ?

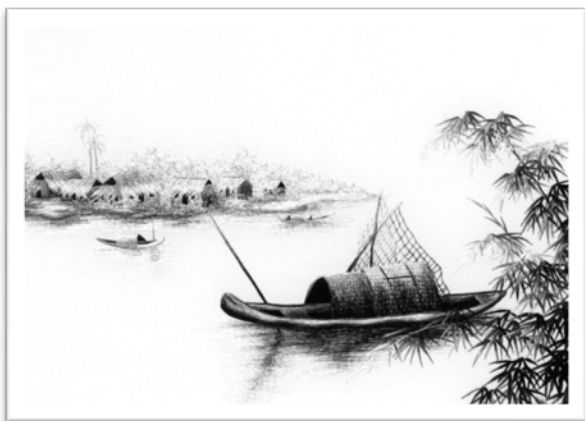
Về cái chết của má tôi, bà con kể lại là bà đi xe ngựa, đường lổ hang dẫn lên vật xuống nên té xe, bị xảy thai, phải chờ đến bà mụ gần đó để lấy thai nhi chết từ trong bụng ra. Bà về nhà nằm được vài ngày, bắt đầu nóng sốt, không ăn uống, lần lần mê sảng, tay bắt "chim chim" (quơ ngón tay mà không cố ý), rồi trăn trối, và buông hơi thở cuối cùng. Lúc đó, bà 41 tuổi, năm 1935: chết vì còn sót nhau trong bụng!

Sau đám tang, trở về Bình Hòa tiếp tục đi học, tôi khóc ròng rã, khóc hoài, biết rằng từ nay không còn nghe tiếng nói của mẹ, không còn mẹ xuống thăm ở nhà ông bà nuôi. Má tôi cưng chiều tôi lắm, đó là điều tôi cảm nhận và có nghe kể lại. Trong khi đó, tôi không có chút hình ảnh nào về sự âu yếm của ba tôi cũng như sự chăm sóc ân cần, han hỏi của ông đối với tôi.



Chương 2

Con Mồ Côi



Bầy Gà Mất Mẹ

Con điều hâu to lớn bay trên vòm trời, đôi mắt sáng chăm chú vào đàn gà dưới đất. Nó bay lượn vài vòng càng lúc càng thấp, chợt trong nháy mắt, điều hâu xà xuống xót mắt gà mẹ đi, thay vì bắt gà con. Bầy gà con kêu rồi rít, chạy tán mác...

Đó là tình trạng anh chị em tôi sau khi mẹ chết. Người ta thường nói:

"Mồ côi cha, ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ lột lá mà nằm".

Câu trên rất hợp với hoàn cảnh anh chị em chúng tôi: nếu cha chết, con vẫn được ấm no, đến khi mẹ chết, con sống khổ sở nhiều, phải lột lá để ngủ.

Sau khi chôn cất má tôi xong, ba tôi không thể chăm lo cho anh chị em tôi được, vì công việc làm ăn, vì còn gia đình Bà Lớn. Anh chị em tôi về ở với ông Cậu

Năm, lúc đó anh Sáu tôi 14 tuổi, chị Bảy 12, chị Tám 10, tôi 8, chú Mười 7, cô Mười Một 5, cô Út (thứ 12) 2 tuổi. Chị Ba, chị lớn nhất, ở bên chồng. (Người thứ Hai, thứ Tư, thứ Năm, không nghe nhắc đến, có lẽ chết từ hồi còn nhỏ).

Riêng phần tôi tiếp tục về ở với ông bà nuôi, cách nhà anh em tôi gần 10 thước.

Cậu Mợ Năm tôi ở với nhau không có con, nuôi một người con nuôi. Nhà này xây cất trên đất thổ mộ, là đất do ông bà để lại làm đất hương hỏa, giao cho một người con trong gia đình (trường hợp này là Cậu Năm tôi) để ở, giữ mồ mả và cúng kiếng, không được bán.

Nhà khá lớn, nền đất, vách đất trộn rom, mái lợp tranh, ba căn với giàn mặt tiền có sáu cửa bằng ván dầu. Hai căn hai bên có để hai bộ ván gỗ to lớn, bề dày gần một tấc, rất nặng, gồm có ba tấm kê lại với nhau có mộng giữ cho chắc. Phía sau bộ ván là tủ quần áo và bàn thờ phụ. Gian giữa có để bộ tràng kỷ (bộ ghế dài) kê song song một bàn dài cao, tất cả bằng cây gỗ, nơi đây là để tiếp khách và đãi đằng. Phía sau là một bàn thờ cao, bằng gỗ có cần xa cừ. Đây là bàn thờ chánh. Phía trong nữa là buồng ngủ và nhà bếp.

Sau khi mở cửa mả má tôi xong (ba ngày sau khi chôn), bài vị của bà được đem về nhà này và làm lễ cầu siêu 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giáp năm, rồi giáp hai năm là mãn tang. Người ta gọi là để tang ba năm, thật sự chỉ có 2 năm hay 2 năm 3 tháng (27 tháng). Có rước "thầy" làm lễ. Lúc đó gọi là thầy chùa, thầy tụng, vì các ông này không phải thầy tu giảng kinh, giảng đạo, chỉ tụng kinh, gõ mõ, đọc sớ về gia đình người quá vãng, miêng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật", và thường chấm câu bằng "nhị bái, tam bái", ý là bảo con cái lạy bàn thờ hai lạy hay ba lạy.

Mỗi lần làm lễ cầu siêu má tôi, lúc đọc số tên tuổi tất cả người trong gia đình, khi nghe đến tên người quá vãng và tên con cái nghe hoài không dứt vì quá đông, cùng cầu cho hương hồn mẹ mau thoát khỏi cảnh Ta Bà, siêu sanh về nơi Tây Phương cực lạc, tôi khóc sụt sùi, nghĩ rằng nơi Tây Phương chắc phải xa xôi lắm, tủi thân mình mất một nguồn nương tựa lớn trong đời..., rồi tự hỏi "Phải chi có cách gì làm cho mẹ mình sống lại?"

Có điều lạ, là mỗi lần làm tuần mẹ, có một con bướm trắng nhỏ như ngón tay út, bay vờn vờn trước bàn thờ, rồi bay đi, không hiểu sao, người ta nói có lẽ hương hồn má tôi còn vương vấn mấy đứa con?

Người ngoài khi nhìn vào bảy con bảy đứa, từ 14 tuổi (anh tôi) xuống theo nấc thang 1, 2 tuổi đến đứa nhỏ nhất là 2 tuổi, trong bộ đồ tang trắng quỳ chập trước bàn thờ đến đôi không đủ chỗ, chắc ai cũng lắc đầu, ngao ngán cho đám con mất mẹ, có cha như không, không biết tương lai của chúng đi về đâu?

Cậu Mợ Năm

Cậu Năm tôi làm gì, tôi không rõ, chỉ nhớ có tấm danh thiếp của ông đề "Lê Văn Liêng, Publiciste" (Quảng Cáo). Ông thích mặc bộ tây trắng khi ra ngoài, người ta gọi ông là Thầy Năm Liêng. Ở nhà, ông ăn mặc sang lắm, thường là bộ đồ bà ba lụa trắng. Trong khi mấy đứa cháu mất mẹ về ở với Cậu Mợ, không thấy ông làm gì, ở không đi chơi, đã vậy còn có bà nhỏ; vài năm sau, ông nhận công việc của một ông nhà giàu, Bác Sĩ Lê Quang Trinh.

Ông bác sĩ này du học Pháp về, đậu bác sĩ y khoa, thời đó rất sang trọng. Gia đình giàu, có ruộng "cò bay thẳng cánh", và vì ông không cai quản được nên nhờ Cậu Mợ tôi "coi sóc giùm", gọi là "coi ruộng".

Coi ruộng là cấp đất cho tá điền, đến mùa thu góp lúa ruộng tùy theo số công đất cho mướn, tá điền nộp cho mỗi công ruộng ba, bốn gạ lúa, xong người coi ruộng lo bán lúa và giao tiền cho chủ. Đây là một công việc tín nhiệm, nếu người cai quản gian tham, chủ ruộng cũng khó lòng kiểm soát.

(Công là một đơn vị đo lường diện tích ruộng, đất cho tá điền mướn: trong Nam, 1 công ruộng bằng 300m².)

Ruộng nằm trong khu vực Kinh Bờ Bao, Xã Tân Phú Trung, Sa Đéc, còn "khỉ ho cò gáy" hơn Vườn Cao Su ở Trung Chánh của ba tôi. Từ tỉnh lỵ Sa Đéc vô đến đó phải mất cả ngày chèo ghe, xuống, tùy theo nước lớn, nước ròng, và chỉ có đường sông thôi. Người coi ruộng không được trả lương. Đổi lại, ông chủ cấp cho Cậu tôi một số công ruộng để tự khai thác, cất nhà ở trên đó.

Cậu Năm tôi là người thương con cháu, không đến nỗi khô khan, ông ăn xài rộng, thích ăn ngon, lâu lâu có tiền, ông dẫn cả bầy con cháu đi ăn mì, hủ tiếu, hoặc mua về nhà ăn. Chỉ vì tiền bạc ông không được khá nên việc chi tiêu trong gia đình bị hạn chế: quần áo không đủ mặc, ăn uống hằng ngày thiếu thốn. Anh chị em tôi ở đó làm đủ mọi việc, từ giặt đồ, đi chợ, dọn dẹp nhà cửa, cả khiêng nước từ phong tên (fontaine) ở ngã tư Bình Hòa về nhà, từng thùng 20 lít, khoảng đường cả trăm thước, cực nhứt là chị Tám, chú Mười, cô Mười Một, cô Út, chiều đi học về phải gánh nước hay tha nước về nhà cho tới tối mới ăn cơm. Không có nguồn tiếp tế nước nào khác, ngoại trừ nhà nào có đào giếng. Không đủ tiền mua tập, giấy để viết, và đi học, không có tiền mua quà bánh gì cả. Sớm mai trước khi đi học, ăn sáng là chén cơm nguội chan chút nước mắm, tép mỡ, hoặc nhin đói, ngày có hai bữa ăn trưa và chiều là quá tốt, không có tiền ăn vặt. So với gia đình khác, mình khá

hơn là không phải đi bán dạo kiếm tiền sanh sống, và chỉ biết lo cho tương lai bằng cách đi học.

Mợ Năm tôi thì nói ngọt, bề ngoài tử tế, nhưng bên trong, có nhiều chất "chua", vị "đắng" đối với đám cháu này, giống như cảnh mẹ ghẻ con chồng. Bà thường bênh vực cô con nuôi của bà, cô này không đi học, không làm việc gì trong nhà, còn méc người này, người nọ với Cậu Mợ, cho mấy đứa này bị đòn.

Sống với Ông Bà Nuôi

Đối với cảnh cực khổ của anh chị em tôi, tôi là người được ưu đãi hơn.

Tôi tiếp tục ở với Ông Bà Nuôi cho đến 12 tuổi khi vào trường học Pétrus Ký.

Ông bà tuy thuộc hàng lao động, nhưng ông làm đến chức "Cấp Răng" (như Supervisor bây giờ) trong Sở Ba Son. Trong hoàn cảnh đó, lẽ ra gia đình phải sung túc lắm, nhưng ông bà tốn hao về ăn uống rất nhiều.

Ông bà cưng tôi, nhứt là bà chiều chuộng tôi ra mặt. Nhà chỉ có ba người, ông bà với tôi, đôi khi có thêm chị giúp việc. Ông ít khi phát biểu tình thương, lâu lâu nói vài câu chuyện, hay nhìn tôi rồi cười cười. Nghe nói hồi trước, có một lúc ông làm bồi cho Tây, nấu bếp cho Tây, nên biết nhiều món ăn Tây. Chính vì đó mà nhà ưa ăn đồ ngon, nấu theo Tây. Lâu lâu, chủ nhứt nghỉ, ông ra tay biểu diễn nấu ăn. Ông xắt khoai lang theo kiểu Tây, nghĩa là lưỡi bén con dao gọt vỏ kéo vào phía ngực người cắt. Ông tỏ vẻ khoái chí, mỗi lần tôi trở mắt nhìn, ông trề môi, đầu gật gù, mắt liếc xéo như muốn khoe tài:

- Mày có thấy ai làm "kiểu Tây" như tao không?

Tối hay lúc nào rảnh, ông đọc truyện Tàu, nào Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Chinh Tây, Hán Sở Tranh Hùng, v v. đây cả tử. Sách này bán từng

cuốn mỏng, lõi ba bốn chục trang giấy, trang chót bao giờ cũng có câu: "Muốn biết việc sau thế nào, xin xem tiếp cuốn sau sẽ rõ".

Khi đi làm về, ông ngồi xuống ghế đầu, cởi giày, có mấy con mèo nuôi trong nhà, từ mèo trắng đến mèo tam thể, bước lại gần cạ vào chân ông. Ông vuốt ve chúng, nhờ đó, ông thấy đỡ mệt phần nào. Ông hút thuốc vắn liên hồi, khi gần đến cuối điều thuốc, thay vì quăng đi, ông dán đầy lên vách cửa. Khi nào hết tiền mua thuốc hút, ông gỡ xuống, tháo giấy, đổ thuốc ra rồi vắn lại hút.

Ông thích ăn ngon và kén ăn lắm. Nhờ vậy, tôi ở trong nhà cũng hưởng được lộc ăn. Có điều là được vài ngày sau kỳ lãnh lương thôi, thời gian còn lại chưa đến kỳ lương tới, gia đình ăn cực hơn.

Vì ông kén ăn, món nào nấu không vừa ý, ông cự nự lắm. Một bữa, bà dọn món cá lóc kho và nấu canh chua mà nhà ưa thích. Ông chỉ ăn cá lớn và cá đánh vảy. Hôm đó có lẽ hết tiền, bà mua cá hơi nhỏ, lại mua cá do người bán lạng da. Cá lạng da ăn mềm hơn cá đánh vảy, ông không thích. Cả nhà vui vẻ ngồi lại bàn ăn, ông gấp miếng cá, bỏ vô miệng, ông biết ngay không phải cá đánh vảy, lại có bỏ đường hơi ngọt, điều mà ông "tối kỵ". Ông nổi trận lôi đình, la bà, bà nói gì tôi không nhớ rõ, ông vội chụp đĩa cá và tô canh quăng ra sân rồi bỏ ra võng nằm, nhịn đói. Bà bỏ lên nhà trên ăn trầu, cắn nhai:

- Người sao mà khó tánh quá!

Tôi cũng không dám ngồi lại bàn ăn, lên nhà trên lấy sách đọc.

Mỗi buổi sáng tôi đi học, bà cho một xu bỏ túi: hồi đó, một xu mua được một gói xôi, nửa xu mua được củ khoai lang, một xu rưỡi mua được ổ bánh mì thịt. Quần áo không thiếu thốn, sách tập vở, bà cho tiền mua giấy bao tập

màu xanh dương, có dán nhãn tên tuổi, lớp học, môn nào, trong khi anh chị em tôi bao tập bằng giấy nhựt trình (giấy báo).

Bù lại, khi tôi được 7, 8 tuổi trở lên, tôi phải làm việc nhà, chứ không phải ở không rong chơi. Ngoài giờ đi học, tôi làm việc nhà, quét sân, quét nhà, lau bàn ghế, giúp cho bà. Bà sai tôi đi chợ mua lật vật, mua trà cau hay đi mua rượu cho ông uống.

Buổi chiều nếu trời không mưa, tôi phải tưới hết đám cây kiểng trước nhà. Tôi ngán làm việc này lắm, vì ông có bảy tám chục chậu, vừa cây kiểng vừa cây bông... như cây cau xanh, cau vàng, đỉnh lăng, bông trang, vạn thọ, nở ngày, mấy chậu này bao kín sân trước nhà. Tưới thì phải múc từng lon trong một khạp nước mưa to lớn, khum đầu vô mức nước cũng mệt, lấy ra càng mệt hơn, rồi phải đi tưới vòng vòng từng cây. Có lúc làm biếng quá, tôi tưới cho có lệ, cây bị khô chết, ông la tôi:

- Thăng này làm biếng, ham chơi quá!

Có những lần sau buổi cơm tối, bà than mệt, nói nhỏ nhẹ với tôi

- Nè, có mấy cái chén, con rửa cho Tư đi con!

Tôi xách cây đèn dầu, đem ra phía sân sau cho sáng, bung chén đĩa dơ ra sàn nước ngoài sân sau, ngồi xuống để rửa.

Tối đến, tôi lo trải chiếu, giăng mùng cho ông bà, sớm mai dậy, tôi dọn dẹp. Phần tôi, tôi có chiếc ghế bố để ngủ.

Thường chiều tôi ông đi làm về, là tôi lo rồi. Không phải ông la lối, mắng chửi, ông nói ngọt với tôi:

- Con đi mua cho ông 2 xu rượu đi con!

Tôi nhăn mặt, bà nói thêm:

- Đi đi con, đây ra tiệm có chút xíu mà!

Thấy tôi còn chần chừ, bà nói tiếp:

- Con trai gì nhất hít hà! Có Chúa kia! (tay bà chỉ bàn thờ Chúa), không có ma cỏ gì hết!

Tôi cầm cái tách với hai xu đi ra khỏi nhà, bà nói với theo:

- Đi chậm chậm, đừng có chạy!

Đó là vì tôi sợ ma. Từ nhà ra đường không xa, chừng 50 thước, chỉ ngại đi tới đường hẻm tối om, dây bìm bìm leo rậm rạp, đi phải mười thước mới ra khỏi hẻm, còn phải nhảy qua đường mương. Bận đi dễ hơn vì có thể chạy được, "nguy hiểm" qua mau, hơn nữa khi mình chạy, chỉ lo chạy không sợ ma nhiều. Bận về mới khổ. Phải đi chậm chậm cho khỏi đổ rượu, "ma có thì giờ để nhát mình". Nhưng lần nào cũng vậy, nín thở hết nổi, tôi phóng chạy, rượu đổ ra chỉ còn lổ nửa tách.

Khi tôi bước vô nhà, hỏn hển đưa rượu cho ông, ông cười cười, cầm tách lên tính đưa vô miệng, ông giựt mình:

- Ủa, hai xu rượu mà sao có nửa tách "dậy"?

Bà biết quá, đâu phải lần đầu:

- Lại chạy đổ rượu nữa rồi!

- Uống bao nhiêu đây mà uống cái gì? Lần sau mày chết với tao!

Tuy nói câu trên, ông ực một hớp, khà một tiếng.

Ba Son Phát Lương

Đây là một ngày trọng đại, tuy không như ngày Tết, nhưng nó đem nguồn vui, lo lắng cho nhiều gia đình. Gia đình ông bà là một.

Ba Son phát lương một tháng hai kỳ, 1 và 15 tây.

- Chiều mai, con đi học về, đi với Tư ra đón ông, rồi đi ăn!

Nghe bà nói, thằng nhỏ mừng quá, ngủ mà trông cho đến sáng, đi học trông cho mau đến chiều. Rồi chiều cũng từ từ đến theo như mong đợi. Hai bà cháu hớn hờ leo lên xe điện từ Bình Hòa đi Đa Kao, rồi từ đó đi bộ lối ba cây số đến Sở Ba Son.

Từ xa chưa đến, đã thấy trước cổng người ta lố nhố như đại hội. Nào rao bán hàng, nào người đợi người thân trong sở ra về. Thật là một ngày vui, mà cũng là ngày buồn. Tại sao vui, tại sao buồn?

Một tiếng còi hụ kéo dài xé tan không gian đầy tiếng động, đó là còi báo giờ tan sở. Thiên hạ nhón nhao, mất hướng về phía cổng tìm người quen.

Lần lượt, thợ thuyền đi ra, một số hớn hờ, một số lặng lẽ ra khỏi cổng.

Một bà xồn xồn nhảy ra từ đám đông người đứng đợi, có tiếng một ông la lên:

- Ô, di Hai, di Hai, sao di nắm áo em vậy, di Hai?

Bà xồn xồn nói xối xả:

-Tui mà không nắm áo chú thì chừng nào chú mới trả tiền cho tui đây? Hả, hả, chừng nào trả cho tui đây?

- Trời ơi, di hai, buông áo em ra, làm gì kỳ quá vậy, người ta cười chết?

Hai người vừa đi lách khỏi đám đông, vừa giằng co.

- Đưa đây, đưa tiền đây, không thì tui nắm áo hoài, xấu cho biết!

- Tội nghiệp em di Hai à! Vợ em nó đau mấy tháng nay, lương bao nhiêu đổ vô tiền thuốc cho nó, chớ em có muốn giựt tiền của di Hai đâu?

- Hồng biết, hồng biết, bữa nay, có bao nhiêu trả bao nhiêu, còn lợi tính sau!

Đó là một cảnh buồn, đến với bao nhiêu người đi làm lãnh lương ba cọc ba đồng, ăn trước trả sau, đôi khi vợ ốm con đau càng khổ hơn nữa. Nhiều người lấm la lấm lét

ra đi cho lẹ để khỏi bị "nhìn mặt" nhưng cũng không thoát khỏi chủ nợ đến "chào" mình.

Vào thời đó, việc cho vay tiền giữa tư nhân với nhau rất thịnh hành, với tiền lời "cắt cổ". Nhiều người lao động, tay lấm chùn bùn, muốn có một số tiền nhỏ để làm ăn, như đóng tiền thế chùn mượn xe kéo, xe xích lô, hoặc muốn có tiền mua nếp, đường để nấu chè bán dạo... phải tìm người trung gian giới thiệu đến gặp người cho vay tiền và phải chấp nhận điều kiện tiền lời khá cao.

Nhưng làm ăn không phải luôn luôn trôi chảy, gặp ngày trời mưa ế ẩm, hay vì lý do gì khác, không có khách hay không bán được, chỉ kiếm đủ tiền nuôi cơm cho gia đình, không thể trả tiền vốn, cứ tiếp tục trả tiền lời cho đến khi nào trả dứt tiền vốn.

Có chuyện kể về một bà chuyên môn cho vay tiền như sau:

Nghe nói bà thường ngày ăn chay niệm Phật, bà sai đứa cháu ngoại trong nhà lại nhà chú Hai đạp xích lô đòi tiền lời cho số tiền vay 20 đồng. Xong bà lấy chuông mõ ra ngồi bên bàn thờ tụng kinh. Hồi lâu, đứa cháu trở về trong khi bà còn đang gõ chuông mõ leng keng, lóc cóc; thấy bóng đứa cháu về nhà, bà liếc mắt nhìn nó, bà ngưng kinh kệ:

- Nó có trả tiền không "dậy"?

- Dạ chú nói mấy bữa rày chú đau, không đạp xe được, chú xin ngoại cho chú "khất" lại kỳ tới, chừng nào chú đi làm được, chú trả!

Bà nổi nóng lên:

- Được rồi, để tao tụng kinh rồi, tao lợi tao cào nhà nó cho nó biết tay tao!

Câu chuyện trên cho thấy một bà cho vay "cắt cổ", miệng nói là người tu hành, ăn chay niệm Phật, trong khi

đó bà là người "khẩu Phật tâm xà", miệng nói Phật, lòng bà là rắn độc.

Trở lại việc đón ông trước sở Ba Son. Đến lượt ông ra công, khi nhìn thấy bà với tôi đứng đợi, thay vì tươi cười, ông thân nhiên im lặng đi ra, dường như không muốn cho người ta biết có gia đình đón trước cửa. Rời khỏi đám đông một lúc, ông nói:

- Đi xuống Chợ Cũ!

Không có tiếng hỏi han tươi cười gì cả, hai ông bà và cháu, mạnh ai nấy đi. Đến Chợ Cũ, sau khi đi bộ lối hai cây số, vào một tiệm bán cơm có heo quay, vịt quay treo lơ lửng trước cửa.

Lúc đó, ông mới cười cười, nhìn bà hỏi muốn ăn gì?

Sau khi ông kê món ăn, ông các chú hầu bàn "quăng ra" trên bàn ba đôi đũa, ba cái muỗng, và tiếp theo là "thảy" ra sáu chén cơm hấp còn nóng hổi (cơm nấu bằng cách hấp trong từng chén một), lại "quăng" thêm một đĩa thịt heo quay, và cuối cùng, bùng đến một tô canh cải bẹ xanh nấu với lòng heo. Hồi đó, trong các tiệm ăn bình dân của người Tàu, cách dọn cho khách ăn là thảy, quăng chén đĩa lên bàn cho thực khách, mặc cho khách chia ra, không ai phiền hà, cũng không ai ghét mà không trở lại, miễn đồ ăn ngon, rẻ tiền là được.

Bữa ăn tuy đơn sơ, nhưng đối với tôi là một ngày đáng ghi nhớ, vì mấy thuở mới có một ngày cả nhà ra tiệm ăn. Vui quá là vui!

Nợ nần

Đêm đó về nhà, ông bà vui vẻ, nhưng bà đem ra sổ nợ để trước mặt, tính tới tính lui. Theo thường lệ, bà thức dậy 4, 5 giờ sáng lo cho ông đi làm, rồi bà ngủ lại hoặc ngồi nhai trà. Sáng hôm đó, bà dậy sớm hơn thường lệ, lấy

giấy cầm đồ, ngồi lẩm nhẩm tính toán. Xâu chuỗi hột, đã cầm thế; ba cái quần lãnh Mỹ A đã nằm trong tiệm cầm đồ hơn ba tháng nay, để lâu sanh lời nhiều, muốn chuộc ra, không đủ tiền, nếu để quá 6 tháng, tiệm sẽ coi như mình bỏ và đem ra bán, mình mất của. Rồi bà quyết định chuộc sáu chuỗi và một cái quần lãnh để mặc đi lễ Phục Sinh tuần tới, còn hai quần lãnh, chỉ trả tiền lời thôi và kể như mới đem cầm thế.

Kế đến là cuốn sổ tiệm چاپ khô Thím Xẩm ở Ngã Tư, bà cộng lại các chữ thập, vòng tròn, ô vuông (tượng trưng cho 1 đồng, 5 đồng và 1 xu) đóng dấu đỏ trong sổ nợ, tiền thiếu nhiều hơn số tiền bà có thể trả. Sáng đó, bà năn nỉ Thím Xẩm, trả một số, còn một số cho đóng dấu mới cho kỳ này, cộng thêm mua đủ gạo, nước mắm, vân vân, đủ ăn cho kỳ lương tới. Việc này cũng thường với Thím Xẩm, thím chỉ cần nhần chút cho lấy lệ:

- Nị dẩn chả diu diu đi, thiếu diu quá hồng lược à! (Nị ráng trả nhiều nhiều đi, thiếu nhiều quá không được à).

Vòng lần quần, không bao giờ dứt nợ, đó là chưa kể lễ lộc hay đám cưới, đám hỏi, ngoài ra phải để tiền mỗi chủ nhật đi lễ nhà thờ, bỏ "xâu" trong giỏ tiền chuyền từ tay người này đến người khác, và bỏ thêm vào hộp tiền dưới chum tượng Đức Mẹ.

"Con Là Người Ngoại Đạo"

Như trên có nói, ông là người thờ cúng tổ tiên, còn bà theo đạo Thiên Chúa, đạo dòng. Hai ông bà đã sống với nhau mấy chục năm rồi, đã đến lúc lo chuyện tương lai, lo cho "phần hồn".

Chuyện tương lai là ông bà lập hôn thú chánh thức để khi nào "nằm xuống" có giấy tờ dễ ăn dễ nói về tiền hưu

bồng và của cải. Chuyện phần hồn là hai ông bà cùng chung một đạo.

Do đó, ông được rửa tội và lấy tên Thánh là Phê Rô. Ông tỏ ra rất ngoan đạo, ít khi bỏ lễ Mi Sa ngày chủ nhật và mỗi buổi tối trong nhà đều có đọc kinh trước khi ngủ. Có bữa tôi làm biếng, lấy cớ học bài, bỏ đọc kinh.

Tôi thuộc lòng đủ thứ kinh, nào Kinh Kính Mừng, Kinh Lạy Cha, Kinh Tin Kính, v v... và lễ lạc gì trong nhà thờ tôi đều biết. Đến mùa lễ Phục Sinh, học trò nghỉ 1 tuần, bà dẫn tôi đi nhà thờ, quỳ mỗi cả chun. Hai bên vách phía trong nhà thờ mỗi bên có bảy tấm cửa kiếng màu sắc rực rỡ chạm hình Chúa Giê Su chịu hình phạt trên thánh giá, khi đến mỗi cửa sổ, phải quỳ xuống đọc vài bài kinh, và cứ như vậy tiếp tục cho đến hết 14 "Chặng Đàng Thánh Giá".

Mỗi lần đi lễ Mi Sa, tôi rất thích nghe Cha đọc kinh tiếng La Tinh, mặc dầu không hiểu nhưng nghe rất êm tai, chỉ nhớ âm thanh giống như sau:

- Xi cô la, xi cô lô, xi cô lum, ồ ...(kéo dài ra), a ra la si la, la xi lô, si cô lum, ồ...

Tất cả bốn đạo đồng thanh đọc lớn:

- A men!

Chuông rung trên tay chú tiểu đồng giúp lễ từ tiếng nhỏ dần dần lớn lên, sau đó, từ từ thấp xuống đưa tất cả nhà thờ vào trong yên lặng.

Sau này, tôi có tìm hiểu và được biết câu kinh tiếng La tinh trên như sau: "Sicut erat in principio et nunc, et semper, et in saecula seaculorum. Amen" Dịch ra tiếng Việt là: "Như đã có trước vô cùng, và bây giờ, và hằng có, và đời đời chẳng cùng, Amen"

Có lúc ông bà muốn cho tôi vô đạo, nhưng Cậu Năm tôi và anh chị tôi cản trở. Anh Sáu tôi nói:

- Dòng họ mình không ai có đạo, tại sao mầy theo đạo?

Cậu Năm tôi gắt gỏng hơn:

- Mầy mà theo đạo thì tao đánh mầy chết!

Tuổi nhỏ biết gì chọn lựa, lúc đó tôi cũng lồi 9, 10 tuổi, nhập gia tùy tục, tôi theo lối sống trong gia đình ông bà nuôi đi lễ đọc kinh thôi.

Thời đó, trong Nam, đạo Phật không phát triển như ngày nay. Đa số là đạo thờ tổ tiên, có chùa, nhưng không có nhà sư dạy giáo lý nhà Phật, chỉ đến nghe tụng kinh, niệm Phật, chẳng hiểu gì, gặp rằm và mừng một thì ăn chay. Bao nhiêu trẻ theo cha mẹ đi chùa có biết Đạo là gì, vãi vãi xá với cụm nhang trên tay, lạy Phật, là quý lắm, kể như đi chùa rồi. Có đứa chẳng làm gì, chỉ chạy rong trong chùa chơi giỡn.

Trở lại việc đi nhà thờ, bà cũng có dẫn tôi đi nhà thờ Sài Gòn, kêu là nhà thờ Đức Bà, đi bộ từ nhà ra đó cũng bảy tám cây số, lại đi tắt trên cầu sắt Đa Kao dành cho xe điện. Đến bờ sông Đa Kao, thay vì đi đò, đỡ nguy hiểm, bà muốn hà tiện tiền nên đi bộ qua cầu, bước thật dài hơn nửa thước theo khoảng cách các cây đà lót đường rầy. Dưới cầu thật sâu là nước sông chảy lững lờ, có ghe qua lại, có lúc tôi sợ quá phải nằm mọp bò theo đường rầy, nếu lỡ chun là nhào xuống nước, là "bai bai cuộc đời". Có lần gặp xe điện chạy tới, bốp kèn "tun tun", hai bà cháu phải tìm

chỗ nào có thanh sắt ráp vô cầu để tránh xe. Nghĩ lại, bà đã khinh thường Tử Thân quá!

Ngoài những buổi đi nhà thờ thường lệ, có Mùa Giáng Sinh là quan trọng nhất. Năm nào, ngày 24 Noel (hồi đó chưa nói chữ Giáng Sinh), nhà ông bà chuẩn bị ráo riết. Nào là chùi sạch chum đèn để cắm đèn cây mới, trải vải trắng trên bàn thờ, đi mua bông huệ trắng cắm vào bình... Bà còn phải lo quần áo tươm tất để tối đi nhà thờ rước lễ Noel.

Phần nhà bếp, bà lo mua đồ để nấu một nồi xúp ăn Réveillon (tiệc nửa đêm 24 rạng 25, sau khi Chúa giáng sanh). Sáng sớm ngày 24, bà đã tính rồi, hai bà cháu đi chợ (trường nghỉ lễ Noel hai tuần đến sau Tết Tây mới đi học). Bà mua khoai tây, cà rốt, vài loại rau cải khác và thịt bò, những món quanh năm trong nhà không biết đến. Về nhà, tôi phụ xắt rau, xắt cải, bà nấu một nồi từ trưa đến tối, đợi đến khuya đi lễ về mới được ăn.

Và đó là một cực hình cho tôi, vì tôi phụ với bà cả ngày, chiều bữa đó, mùi xúp bay thơm cả nhà nhưng không được ăn, càng làm cho tôi đói hơn nữa. Tôi được bà cho nửa xu để chạy ra tiệm mua miếng bánh ngọt ăn lót bụng.

Ông bà thì "chay lòng", nghĩa là không được ăn từ chiều tối cho đến 12 giờ khuya: trước khi Chúa sanh, phải giữ miệng sạch để rước "Minh Thánh Chúa", là hủ miêng cho Cha bỏ vào miếng bánh tượng trưng thân thể Chúa trong buổi lễ. Thằng nhỏ tuy đi nhà thờ với ông bà mà ruột đói cào lên, chỉ trông cho "Chúa sanh ra mau" để về nhà ăn xúp.

Kịp khi nghe tiếng chuông nhà thờ vang lên liên hồi, báo là Chúa đã sanh ra đời cứu dân độ thế, thằng nhỏ này mới chia được cái vui của người chung quanh.

Xong lễ rồi, nào phải ăn liền được đâu, còn phải lội bộ về nhà hơn hai cây số, đọi nhúm lửa than cho nồi xúp nóng lại, cũng gần một giờ khuya. Trọn năm, tôi thường ăn cơm vào 6, 7 giờ chiều; hôm đó là 1, 2 giờ khuya rồi, nồi xúp có ngon cách mấy cũng không còn hấp dẫn đối với tôi nữa, tôi lặn trên ghềnh bó ngủ, ông bà phải kêu tôi, nạt nộ mấy lần tôi mới miễn cưỡng ngồi dậy ăn!



Chương 3

Tuổi Học Trò



Trường Tiểu Học Gia Định

Sau khi học xong ở Trường Phổ Thông Bình Hòa, tôi được bà nuôi cho vào trường Tiểu Học Mac Ferrando, khu chợ Bà Chiểu, trường tỉnh duy nhất của Gia Định. Tôi học ngay Cours Préparatoire, (tức lớp 2 bây giờ).

Trong suốt thời gian này, tôi ở nhà ông bà nuôi. Và đây cũng là tuổi phá, "quậy" nhiều nhất.

Nhà cách trường gần hai cây số, đi bộ, chùn không, lúc đó không có giày dép gì cả. Đồ mặc là một bộ đồ bà ba vải trắng hay vải rằn. Sớm mai đi, 12 giờ trưa về nhà ăn cơm, 2 giờ đi nữa, 5 giờ ra trường, như vậy là trong ngày 2 lần đi, 2 lần về. Tại tất cả trường ở Việt Nam thời đó, học sinh học 5 ngày trong tuần, thứ 2, thứ 3, thứ 4, nghỉ trọn ngày thứ 5, đi học lại thứ 6, thứ 7.

Tại trường Mac Ferrando, khi trống đánh "thùng thùng" là vô lớp, tan lớp, hay ra chơi. Khi tan lớp, học trò ra sắp hàng thẳng lối mới được về.

Hồi học lớp 2, lớp 3, sau mỗi bài Sử Ký Việt Nam là tiệm Thím Xẩm ở Ngã Tư Bình Hòa gặp rắc rối với tôi.

Lúc học đến lịch sử người Tàu đến đô hộ Việt Nam, tàn ác với người mình, bắt dân đi mò trai đáy biển, lên rừng tìm ngà voi ... v. v, là sau khi về nhà, tôi chạy đến tiệm Thím Xẩm, thấy mấy đứa con của thím, tôi la lên, đuổi tụi nó:

- Tụi bây đi về xứ tụi bây đi! Hồi xưa tụi bây tàn ác với tụi tao!

Mấy đứa nhỏ, cả hai vợ chồng Thím Xẩm ngơ ngác chẳng hiểu gì.

Lần khác, sau khi học đến đoạn lịch sử Hai Bà Trưng nhảy xuống sông Hắc Giang trầm mình, tôi lại đến tiệm đó la lối, đuổi cả nhà họ về Tàu; tôi còn bốc gạo trong bao quăng vào mình mấy đứa con thím. Hoảng quá, Thím Xẩm chạy vô nhà bà nuôi tôi:

- Hà, cái lầy thành nhỏ phá quá, nó đuổi ngộ đi dìa Tàu, nó phá tụi ngộ, nị hồng la nó, ngộ hồng bán đồ nữa cho nị á!

Bà nuôi phải năn nỉ Thím Xẩm, sau đó bà bắt tôi nằm xuống ván, vừa đánh bằng roi mây vừa nói:

- Mày chưa chưa, mày muốn cả nhà đói hết phải hôn?

Tuy nghe lời bà là không phá tiệm Thím Xẩm nữa, nhưng tôi vẫn còn âm ức, tự hỏi "sao mình đuổi tụi Tàu về xứ nó mà cũng bị đòn?"

Về việc đi học, lúc học lớp 4, lớp 5, thừa lúc trưa, thay vì đi 2 giờ để vô lớp 2 giờ rưỡi, tôi rời nhà trước 1 giờ,

hẹn với mấy đứa khác lâu lâu đi tắm sông, ở Cầu Hàng Xanh, cách xa trường non một cây số. Đây là bến tắm ngựa, người ta dẫn ngựa đến đó tắm rửa, chải lông cho chúng. Vì là chỗ của ngựa nên có nhiều đồng phân ngựa, gặp nước, chảy ra cùng bãi. Ấy vậy mà đám con nít này vẫn cời đồ đạc, ở trường, nhào xuống nước, đi dọc theo mấy cây bần bên bờ sông để tập lội.

Đó là trường huấn luyện bơi lội của tôi: thẳng lớn, thẳng biết lội chỉ cho thẳng nhỏ, thẳng chưa biết lội. Lúc đầu, lặn, lội sảy, sau lội bướm, tiếp là thả ngựa, cũng có mấy lần hụt chùn uống nước... hú hồn hú vía! Rồi mình mảy ướt nhem, leo lên bờ, mặc quần áo vô và cấp sách đến trường. Không có đồng hồ gì cả mà sao không trễ lớp, lâu lâu đi gần đến trường, nghe trống nhà trường đánh "thùng thùng", cả bọn xúm nhau đua nước rút cho kịp vô lớp.

Có lúc tôi đi đá banh trong vườn cao su bỏ hoang gần đó. Trái banh là một lõi giấy cuộn tròn, rồi lượm mù cao su khô quần lại cho đến khi nào bằng trái banh tơ nít là đá được. Lâu lâu lượm được một trái banh tơ nít cũ, cả bọn càng mừng hơn nữa. Cũng chia nhau thành hai phe ra đá, đá chùn không. Trong vườn cao su, gốc cây cao su đâm ra bên ngoài không ít, nếu đá trúng, chùn sưng, chảy máu, vậy mà không ai ngán, rùi trầy chảy máu, quẹt quẹt lên là xong ngay. Mình mảy mò hôi nhể nhại, dính đầy đất cát, cứ ôm cặp đến trường.

Tuy tôi có "rắn mắt", phá khuấy, nhưng việc nhà vẫn làm đầy đủ, xong rồi mới chơi. Việc học cũng vậy, lúc nào học là lo học. Sách tập giữ đằng hoàng, bài học, bài làm, không dám bê trễ.

Hồi đó tôi đọc và viết chữ Pháp khá, nhờ anh tôi dạy kỹ lưỡng, luyện giọng gắt gao, nên chỗ nào có trình diễn cần nói tiếng Pháp là tôi được thầy chọn. Cũng nên nhắc là nhà anh chị em tôi và nhà Ông Bà nuôi ở gần nhau,

nên tôi cứ chạy lên xuống, bài vở có gì không hiểu, tôi nhờ anh tôi chỉ dẫn.

Lúc tôi 9 tuổi, học lớp 3, nhân dịp sắp bãi trường, trường tổ chức trình diễn và phát phần thưởng, có thanh tra các trường, lúc đó toàn là người Pháp, và nhiều cấp cao khác đến dự. Tôi được chọn đóng vai con quạ trong chuyện ngụ ngôn "Con Quạ với Con Chồn" của La Fontaine.

Tôi đội nón có hình đầu con quạ, mặc áo đen, leo lên ghế cao (tượng trưng cho cành cây cao), tay cầm miếng bánh, vừa ngó xuống đất vừa nói:

- Maitre Corbeau, sur un arbre perché ... tenait dans son bec un fromage

(Chú Quạ đậu trên cây cao, miệng ngậm bánh sữa tha đầu mới về...)

Phía dưới là trò Tâm, đóng vai con Chồn, ngó lên chú Quạ, khen ngợi chú Quạ đẹp... , theo như câu thơ của bài ngụ ngôn. Trình diễn xong, cử tọa vỗ tay, làm tôi run quá...

Sau này nghĩ lại, không biết họ vỗ tay khen đám con nít này vì chúng nó giỏi, hay vì họ tự hào đã đem được văn hóa thế kỷ thứ 17 của Pháp đến trên một mảnh đất cách xa mẫu quốc gần mười ngàn cây số.

Thời đó, Giám Đốc trường là ông Dourneaux

Nhớ hồi học lớp 6, là năm thi ra trường, thầy của tôi là thầy Dư, thỉnh thoảng bắt tôi đến nhà thầy ngày chủ nhật để cộng sổ điểm học trò và sắp hạng. Tôi ngán lắm, nhưng đâu dám từ chối. Trong lớp học có đến sáu mươi mấy học trò, theo hàng tên mỗi đứa cũng có 6, 7 lần thầy cho điểm trong tuần, cộng lại ghi qua hàng cộng, và so điểm, ghi hạng nhứt nhì... cho đến đứa thứ 62. Làm như vậy để qua ngày thứ hai vô lớp, thầy trình cho Ban Giám Đốc tuyên bố ai giỏi dở, và cấp giấy khen cho ba trò đầu. Tôi mất gần cả buổi của ngày chủ nhật, hết đi chơi.

Ở trường cũng có nhiều chuyện độc đáo không thể quên.

Có một cô giáo, (xin dấu tên) dạy lớp 1, thích đánh bài tứ sắc. Có lẽ cô đánh cả tối thứ bảy luôn qua tối chủ nhật nên ngày thứ hai khi vô lớp là cô ngủ. Cô cho học trò tập viết, rồi cô đến bàn sau cùng của học trò nằm ngủ; cô cho một trò đứng trước cửa lớp, canh chừng nếu có ông thợ ký văn phòng đi xuống từ xa thì chạy vô kêu cô dậy. Cũng may cho cô là cô không bị bắt gặp lần nào.

Hồi em trai tôi học đến lớp 3, có một ông thầy thương chú lắm. Mỗi lần trống đánh tan lớp, chú khởi sắp hàng, nhiệm vụ chú là đi lấy xe đạp cho thầy, ra trước cổng vịn xe, đợi đưa xe cho thầy. Lâu lâu, thầy móc túi lấy tiền đưa cho chú. Nhưng đây không phải là thầy cho chú tiền.

Chú vội vã băng qua đường, bước vô một tiệm có cửa rất hẹp, tối om bên trong, bên ngoài cửa có treo hai chữ "RO" (Régie d'Opium), tiệm bán thuốc phiện. Hồi thời Pháp, dân chúng tự do hút á phiện. Chú mua mấy gói thuốc phiện rồi đem ra đưa cho thầy. Cũng may khi lớn lên, chú không ghiền! (Ghi chú: Thầy của chú hút thuốc phiện).

Tuy tôi với chú Mười học chung một trường và nhà ở gần, nhưng mạnh ai nấy đi nấy về, vì mỗi người có công việc của mình phải làm, không thể chờ được.

Sau khi học hết lớp cao nhất của trường là tôi thi lấy Bằng Tiểu Học.

Con Chim Bay Nhảy

Thời gian học ở trường Mac Ferrando, tôi vẫn còn ở với ông bà nuôi,

Có lần bà sai tôi đi Cáp (Cap St Jacques, bây giờ là Vũng Tàu), cách Sài Gòn 120 cây số, đi một mình để đem đồ đặc cho gia đình anh con nuôi trước, con lai, đang đi lính Pháp, anh này có vợ và một đứa con trai.

Lâu ngày "sút chuồng", với tuổi 11, được đi một mình, tôi thích lắm, nhứt là được đi tắm biển ở Cáp. Bà cho tôi đủ tiền ra Ngã Tư Bình Hòa đón xe đồ, đi ra Cáp.

Xe đồ không có bảng cho biết đi đâu, người ta chỉ quen nhìn màu xe để biết xe chạy hướng nào. Hễ xe đồ này gọi là xe Đội Có, màu trắng, xe có nhiều cửa, mỗi hàng ghế ngồi có một cửa ra vô.

Tôi được nhét ngồi gần ông tài xế, nhờ đó có dịp xem chú đạp ga sang số, tôi phục chú quá. Chú vừa lái xe, miệng nói chuyện không ngớt, lúc chề người này, lúc chửi thằng lơ (lớn hơn tôi vài tuổi), lúc cần nhằn hành khách trên xe:

- Ngồi chậ chậ xiu bà con, cho tui này kiểm chút cháo chó!

Xe đã chậ rồi, nếu có ai đón dọc đường là chú ngừng chớ thêm. Thấy từ xa có một bà bụng thúng đón, chú tấp xe vô lề, thằng lơ lệ lạng từ trên nóc xe nhảy xuống, miệng nói liền đeo:

- Bà Rịa, Cáp, Bà Rịa, Cáp ...

Bà già được cho lên xe, hành khách la quá:

- Chỗ đâu mà nhét vô nữa đây?

Có tiếng chú tài xế:

- Ráng chậ chậ bà con ơi, chuyến này là chuyến chót!

Phần thằng lơ đứng dưới đất lo đóng cửa xe lại nhưng không khép cửa được vì còn phân nửa thân bà hành khách ló ra ngoài. Nó lấy hết sức bình sanh để đẩy cửa, ép cho bà khách vô:

- Chịu khó chút Má Hai!

Sau đó, nó nói tiếp: "Chạy", là báo cho tài xế biết xong rồi, phần nó ôm thúng của bà khách bỏ lên nóc xe, và leo lên nóc xe ngồi.

Lần đầu tiên một mình đi trên một khoảng đường xa, tôi nửa lo nửa thích thú được bay nhảy một mình. Tôi ngó ra hai bên đường, đếm từng cây số đi qua, Long Thành, Bà Rịa, Cỏ May..., lòng mừng khắp khởi vì còn chừng chục cây số nữa là đến Cấp.

Việc tìm nhà đối với tôi cũng dễ, nhờ tháo vát, lanh lợi. Lúc đó cũng lối 4, 5 giờ chiều. Dãy nhà lá nơi tôi đến thật ồn ào, vì chỗ đó là toàn vợ lính Tây, gái điếm cũng đây.

Giờ đó là giờ lính từ trong thành ra, tiếng la lối om sòm.

- Mảnh tờ nằng, toa bấy dế ả quăng, moa đon nê lật lê, toa, ba bấy dế, moa ba đon nê lật lê.

Đó là lời bà chủ cho mượn nhà phân trần bằng tiếng Tây bồi với anh lính Tây: "Maintenant, toi payer avant, moi donner la clé, toi pas payer, moi pas donner la clé", ý là nói "bây giờ, mày trả tiền trước thì tao đưa chìa khóa nhà cho mày, mày không trả, tao không đưa chìa khóa".

Lần đầu tiên nghe, tôi phục bà đó nói tiếng Tây hay quá, lưu loát quá, trong khi tôi học ở trường, nói phải chia động từ, cho đúng văn phạm, năm phút chưa tìm ra chữ.

Lá rụng về cội

Thời gian sau này, mỗi năm có thêm nhiều rắc rối cho tôi. Càng lên lớp, càng có bài vở nhiều hơn, nhưng công việc trong nhà không bớt. Lại nữa, tuổi trẻ ham vui, lâu lâu bạn bè lối xóm rủ chơi trò như bắn đạn, chơi giấy xe lửa, đánh trống, nhảy cò cò, thả lỗ lạc ... , trò chơi nào tôi cũng có mặt, không những có mặt mà còn hăng say nữa.

Bà kêu réo mấy hồi mấy lượt tôi mới về, bà la rầy:

- Tao kêu mày hụi hơi mà hỏng vô hả ?

Đương chơi cờ tướng đến hồi gay cấn, làm sao bỏ về được, đến chừng tôi vô, bà la quá:

- Mày đi chơi suốt ngày, việc làm bỏ bê, không phụ tao gì hết, nhà hết gạo mà không chịu đi mua!

Đây không phải một lần, nhiều lần như vậy: bị la rầy, tôi thấy xấu hổ với anh chị em tôi và lối xóm, thêm sự xúi giục của anh chị tôi, tôi xin bà cho tôi về ở chung với anh chị em tôi...

Lúc đó, Cậu Mợ Năm tôi thường xuyên ở Sa Đéc, coi điền. Nhà giao cho anh chị tôi trông nom. Thỉnh thoảng hai ông bà về thăm gia đình trên Sài Gòn.

Khi trở về trên này, ông bà có đem đủ thứ món ăn từ Sa Đéc, nào gạo, nếp, tấm, mắm sống, khô Đôi khi làm bánh bèo, bánh xèo ăn tại nhà. Một lần làm ở nhà là chuẩn bị một lăm, phải ngâm gạo bữa trước, sáng sớm xay ra bột, rồi mới lấy bột đó ra đổ bánh bèo, bánh xèo, huy động toàn thể gia đình để có bữa ăn linh đình.

Nhằm dịp Tết, cậu tôi đưa tiền mua vải may quần áo Tết cho đám con nít này, mỗi đứa một bộ đồ hàng trắng. Có năm, may không kịp, đến sáng Mừng Một Tết, bà Mợ, chị Bảy tôi chưa kịp gấn túi, đơm nút, phải đợi đến gần 11 giờ trưa mới xong, làm đám nhỏ ngồi trong nhà nghe tiếng pháo nổ liên hồi chung quanh mà xót ruột, trông cho mau có quần áo mới để đi mừng tuổi bà con lối xóm mới có tiền đánh bầu cua, mua một chai xá xị Phương Toàn hiệu con nai nằm để uống. Thèm xá xị làm sao, vì thường chỉ đến Tết mới có tiền để uống thứ "xa xí phẩm" này! Nước xá xị giống như Coca Cola ngày nay.

Sau khi về ở đó, tôi không làm gì nhiều, giống như bánh xe "xơ cua" (secours, bánh xe hờ), chẳng ai ganh tị với tôi: có lẽ nhờ tôi học trung học, bài vở nhiều nên được dễ dãi. Tuy nói vậy, tôi cũng phụ, như ngày nghỉ hay chủ nhật, phụ giặt đồ, quét sân, đốt lá khô buổi sáng ngày nghỉ, lúc nào trời mưa lớn là cả nhà xúm nhau ra (nhiều khi ban

đem) hứng nước mưa đổ đầy lu, đầy khạp, để dành xài khỏi ra phong tên (fontaine) gánh nước.

Mỗi tháng, ba tôi có ghé đưa bốn chục đồng, tiền nuôi con, cho chị Bảy tôi. (Tiền lúc đó có giá trị nhiều, một tô hủ tiếu bình dân giá 3 (ba) xu). Ông là người mầu mực, giữ đúng lời hứa, nhưng quá khô khan, thiếu tình cảm, việc đi đến của ông không được đám con chú ý lắm. Ông đến, trẻ không biết, về, trẻ cũng không hay. Không ai mừng rỡ, hoặc lưu luyến. Vì ông không biểu lộ tình yêu thương đối với đám con, không mua chút ít quà bánh cho chúng nó, không có đôi lời thăm hỏi, vỗ về. Chẳng bù với các bà mẹ từ quê lên tỉnh thăm con cháu, tay xách tay mang quà cáp, kẹo đậu phộng, chuối khô, bánh phồng ... , con cháu từ đằng xa thấy là reo lên mừng rỡ.

Mấy năm sau, ba tôi bị bệnh, phải về nhà bà lớn ở Bà Chiêu để chạy chữa, bỏ Vườn Cao Su không người khai thác, việc này, ngoài sự hiểu biết của chúng tôi.

Từ khi dọn về ở chung với anh chị em, tôi ăn cực không quen, nhưng được thoải mái hơn vì không làm việc nhiều như trước, mọi việc đâu đó đã có phân công sẵn rồi. Tôi ngủ, vô mừng ngủ hai ba đứa, trai gái bất kể, tôi có mấy chị, em giăng mừng, sáng có chị em đẹp, cứ theo nề nếp đó.

Mùng là một mùng lớn, giăng trên bộ ván, mùng và dây cộm không biết bao nhiêu lớp, màu từ trắng hóa ra vàng khè như xông khói (mặc dầu lâu lâu dơi có trời mưa bỏ ra giặt), nhưng vì cũ quá nên trở màu, giặt không dám vất mạnh, sợ rách thêm. Có khi muối chun vô quá nhiều, hoặc có nhiều rệp từ ván bò lên, chị em phải đốt đèn lên bắt rệp, đập muối. Có lần bắt rệp, không để ý, đèn dầu bắt lửa cháy mùng, may tắt kịp, nếu không, nhà cũng cháy ra tro.

Có những khi trời mưa lớn, nhà dột, vì mái nhà quá cũ, không có tiền lợp lại, ướt hết bàn ghế, ướt bộ ván đang ngủ, phải tức tốc thức dậy hết, cuốn mền, gối, mùng, rồi chun dưới bàn thờ ngồi đợi mưa, đợi khi nào hết mưa, chun ra, lau ván, trải chiếu, giăng mùng ngủ lại.

Theo thông lệ, vài tháng, anh chị em tôi phải uống thuốc xổ, chọn một ngày chủ nhật trong tháng. Dầu xô (huile de ricin) thời đó là dầu nguyên chất, không pha màu hay thêm đường, uống rất hôi và cảm thấy "nhợn nhợn" trong miệng. Chúng tôi sắp hàng chờ chị tôi cho mỗi đứa uống một muỗng, sau đó, lại phải uống nước nóng để giúp cho mau tiêu hóa. Hơn nửa giờ sau, chúng tôi giành nhau chạy ra cầu, ai trể rắng ôm bụng chờ đến phiên mình! Khi lớn lên, chúng tôi không quên cực hình uống thuốc xổ đó.

Người anh đặc biệt

Anh Sáu tôi đã thi đậu Thơ Ký Tập Sự cho chánh phủ Pháp sau khi thi tốt nghiệp Bằng Thương Mại trường Petrus Ký (học 4 năm). Anh không thể tiến lên học Tú Tài, vì phải ra đi làm nuôi đàn em. Anh luôn luôn tỏ ra chống Pháp ra mặt, chống một cách cực đoan: đi làm cho Tây, chống Tây thuộc địa, anh cứ nhắm Tây trong sở gây gỗ với chúng nó, tuy rằng mấy anh này chỉ là người thừa hành, chớ đâu phải những người ra chánh sách gì đâu; gây với chúng lâu ngày, mình lãnh hậu quả.

Còn việc buồn cười khác là ai đi làm chỉ mong có đồng lương, khi anh lãnh bao thơ tiền, anh không đếm, nhét nguyên bao vào túi, về nhà lấy kẹp, gấp bao thơ tiền ra, rồi đưa cho chị tôi, nói là tiền của "mấy thằng Tây", anh ghê tởm, không thèm bóc. Ai hỏi anh làm nghề gì, anh trả lời là đi "cạo giấy", mặc dầu lúc đó, nắm được một chun "Thơ Ký" cho nhà nước Pháp là chuyện không dễ.

Một ngày kia, anh nhận được giấy dời đi Cao Miên, tỉnh Sway Riêng (tiếng Việt là Soài Riêng), một thành phố Miên gần biên giới Việt Nam, từ Tây Ninh đi lên vài chục cây số. Đó là họ còn tốt đó, họ có thể dời mình đi tới chỗ nào xa xôi hẻo lánh càng mệt hơn. Thế là nhà đã nghèo lại mắc cái eo, cái eo do mình tạo ra. Tiền lương, anh phải cắt xén để gởi về nuôi em. Khi nghe tin anh bị dời đi, cả nhà buồn bã: cây trụ cột gia đình bị đổ đi, vì anh không những là lưng dựa về mặt tài chánh cho gia đình, còn là người anh cả chăm sóc đàn em, người đứng mũi chịu sào thế cha mẹ, dạy dỗ mấy em từ việc nhỏ đến việc lớn, từ học hành đến luân lý gia đình.

Đàn em, ai cũng ngán anh, anh để ý từ cử chỉ nhỏ nhặt của mỗi đứa em, làm bậy là bị rầy la. Tôi cũng ngán anh, nhưng đối với tôi, anh tỏ ra dễ dãi hơn. Lâu lâu chủ nhật, anh rủ tôi đi Thủ Đức tắm "piscine" (hồ bơi). Hai anh em đạp hai chiếc xe đạp phóng lên Thủ Đức, (lối 15 cây số), tắm, lội, tới xế trưa mới về. Người nào người nấy, mặt đỏ rát vì nắng. Lâu lâu, anh mua sách của Tự Lực Văn Đoàn, sau khi xem xong, anh tặng cho tôi.

Anh cũng ưa kể chuyện Đông Tây, khoa học và nhứt là phục nước Nga lắm. Anh tìm mượn đâu được cuốn "L'URSS a vingt ans", (Liên Bang Sô Viết được 20 năm), anh đọc thích thú và cắt nghĩa hùng hồn cho mọi người xem từng tấm hình nói về Liên Bang Sô Viết tiến bộ đến mức nào sau 20 năm chủ nghĩa Cộng Sản. Thật ra, anh không phải là Cộng Sản cũng không thuộc phe phái nào, chỉ là một người có học, thức thời, biết lo cho dân mình, và nghĩ rằng lúc đó, nước Nga là một tấm phao cho các dân tộc bị thực dân áp bức.

Ngày tiễn đưa anh ra bến xe đi Cao Miên, chỉ mình tôi đưa anh đi. Lúc đó là thời kỳ chiến tranh và Pháp đã thua trận với Đức, mọi giao dịch hàng hóa giữa thuộc địa

và mẫu quốc bị cắt đứt. Xe đồ không còn xăng để chạy, phải biến máy chạy bằng xăng qua than đá, sớm mai phải đốt máy trước cả giờ mới có hơi nóng chạy máy, trên nóc phía sau xe chất đầy bao than để đốt lửa, có ống hơi khói bốc lên.

Tại bến xe quanh chợ Sài Gòn, hành khách nhộn nhịp, xe đồ đậu dài theo lề đường, máy chạy ầm ỉ, tiếng rao hàng nhưc cả tai. Anh tôi lên ngồi trên xe rồi mà xe vẫn chưa nhúc nhích vì chưa đủ khách. Một lát, có tiếng chú lơ xe hô lên:

- Chạy! Xe chạy, bà con ơi!

Xe vẫn chưa nhúc nhích. Một chập nữa, cũng tiếng chú lơ:

- Chạy, kỳ này chạy thiệt bà con ơi!

Xe đảo một vòng quanh chợ Sài Gòn, tưởng quẹo ra hướng Bắc đi qua Miên, không ngờ lại đứt đầu vô chỗ đậu cũ. Chú lơ vẫn la:

- Gò Dầu Hạ, Tây Ninh, Soài Riêng, bà con ẹ ẹ lên!

Về thăm mả Mẹ

Từ ngày mẹ mất mấy năm trôi qua, đám con không có cơ hội về thăm mộ. Vì một lần đi là một lần khó, cả đàn em và người lớn nữa, không có tiền bao hai cỗ xe ngựa về Trung Chánh, hơn nữa đi là đi cả ngày, phải trả tiền cả ngày mướn xe, đâu có tiền trả.

Mãi mấy năm sau, vào dịp gần Tết, chúng tôi mới có dịp lên thăm mả. Tôi không nhớ rõ bao nhiêu người, chỉ biết là cả đoàn anh chị em tôi lên xe điện Bình Hòa đi Quán Tre, và từ đó lội bộ vô nơi phần mộ má tôi.

Nhưng trước khi đến mả phải qua Vườn Cao Su của ba tôi lúc trước, chúng tôi thấy nhà cửa hoang tàn, có lẽ ba tôi không bán được nên bỏ phế.

Cảnh cũ còn đây, thấy thăm thía làm sao! Đây là mấy luống đất anh chị em xúm nhau bắt dế năm xưa, đây là máng cỏ cho ngựa ăn, đây là chuồng bò, xa hơn nữa là đất trồng khi xưa trồng mấy luống khoai lang, khoai mì và lâu lâu buổi tối có khoai mì, khoai lang luộc để ăn...

Vô đến nhà cũ, đến chỗ má tôi nằm thở hơi cuối cùng năm xưa, ai cũng lưng tròng nước mắt. Cả cuộc đời vật lộn với cuộc sống, thương con cái cách mấy rồi định mệnh bắt phải buông tay, để lại cho đàn con niềm thương nỗi nhớ!

Điều ngạc nhiên là tuy nhà cửa hư hỏng vì bị bỏ hoang, nhưng không có dấu vết trộm cắp hay phá hủy của bàn tay con người! Nghĩ lại người dân thời đó sao hiền lành chất phác quá? Giả thử bây giờ có "đầy tớ nhân dân" như ngày nay, chắc khu đất đó đã biến thành "tài sản của đầy tớ nhân dân" từ lâu rồi!

Sau khi ngồi nghỉ mệt, "đoàn hành hương" tiếp tục ra má má tôi. Má làm bằng đá ong đỏ, trải dài hình chữ nhật, hai cạnh ngắn là phía chum và đầu. Kế bên, có nắm mộ nhỏ cũng bằng đá ong, đó là má em thứ 13 trong gia đình. Mấy chị em gái lo bày nhang đèn và thức ăn trên má, vừa nhắc chuyện má tôi ưa cái này thích cái nọ.

Bây con xúm lại lạy, người nào cũng sụt sùi đầy nước mắt. Lại còn nhắc chuyện bà ưa đánh bài tứ sắc, theo lẽ, phải đem theo một bộ bài tứ sắc cho bà vui. Nhắc đến đây, ai cũng bật cười, quên hết sầu muộn. Chung quanh, vẫn lá cao su xào xạc theo từng cơn gió như có tiếng thì thầm của ngày xưa vọng lại.

Lễ cúng vái xong, cả gia đình tìm một bóng mát, bày đồ ăn ra, nhớ cảnh khi xưa trải đệm dưới đất ăn cơm mỗi ngày, có mẹ gấp đồ ăn cho đứa này đứa kia. Ngày nay, mẹ nằm đằng kia, cách xa mình mấy thước...